

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**  
**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**TRỊNH VIỆT HÀ**

**KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG  
VỤ ÁN HỦY HOẠI RỪNG THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG  
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH GIA LAI**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI, năm 2018**

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**  
**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**TRỊNH VIỆT HÀ**

**KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG  
VỤ ÁN HỦY HOẠI RỪNG THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG  
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH GIA LAI**

**Chuyên ngành : Luật Hình sự và Tổ tụng hình sự**  
**Mã số : 838.01.04**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**  
**TS. PHẠM MẠNH HÙNG**

**HÀ NỘI, năm 2018**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Học viện Khoa học xã hội.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

**Học viên**

**Trịnh Việt Hà**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1. LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG VỤ ÁN HỦY HOẠI RỪNG THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM</b> .....	7
1.1. Các dấu hiệu pháp lý của tội hủy hoại rừng và hình phạt đối với cá nhân, pháp nhân thương mại phạm tội hủy hoại rừng.....	7
1.2. Các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong vụ án hủy hoại rừng.....	15
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG VỤ ÁN HỦY HOẠI RỪNG THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI</b> .....	31
2.1. Khái quát chung về tỉnh Gia Lai, tình hình tội phạm hủy hoại rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai .....	31
2.2. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố vụ án hủy hoại rừng.....	37
2.3. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn điều tra vụ án hủy hoại rừng.....	39
2.4. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn xét xử vụ án hủy hoại rừng.....	50
<b>Chương 3. HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ CÁC GIẢI PHÁP KHÁC NÂNG CAO HIỆU QUẢ KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG VỤ ÁN HỦY HOẠI RỪNG THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM</b> .....	60
3.1. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự .....	60
3.2. Một số giải pháp khác nâng cao hiệu quả kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong vụ án hủy hoại rừng .....	64
<b>KẾT LUẬN</b> .....	77
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	79

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<b>Từ viết tắt</b>	<b>Nghĩa</b>
BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
CQĐT	Cơ quan điều tra
ĐTƯ	Điều tra viên
HĐXX	Hội đồng xét xử
KSVTTPL	Kiểm sát việc tuân theo pháp luật
KSV	Kiểm sát viên
TTHS	Tố tụng hình sự
THQCT	Thực hành quyền công tố
TA	Tòa án
TNHS	Trách nhiệm hình sự
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
VKS	Viện kiểm sát
XPVPHC	Xử phạt vi phạm hành chính

## **DANH MỤC CÁC BẢNG**

Bảng 2.1. Diện tích rừng toàn tỉnh tính đến ngày 31.12.2016 .....	34
Bảng 2.2. Thống kê diện tích rừng của tỉnh Gia Lai bị phá giai đoạn 2003 - 2018..	37

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trải qua hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, đất nước ta đã đạt nhiều thành tựu to lớn, quan trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; cùng với đó, hệ thống pháp luật của nước ta cũng đã có những bước tiến vượt bậc, đáng ghi nhận. Hệ thống pháp luật hình sự ngày càng tiến bộ, nội dung của các quy định trong đó có quy định về tội phạm hủy hoại rừng cũng từng bước được hoàn thiện và phát triển, cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Có thể thấy vấn đề bảo vệ và phát triển rừng đã và đang là vấn đề cấp bách được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm trong việc thực hiện các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Từ xưa đến nay, không chỉ riêng nước ta mà cả thế giới luôn xem rừng là lá phổi tự nhiên vì rừng có vai trò vô cùng quan trọng trong việc điều hòa khí hậu, giữ cân bằng hệ sinh thái, môi trường, ổn định khí hậu, ngăn ngừa thiên tai và giúp ngăn chặn tình trạng biến đổi khí hậu toàn cầu đang diễn ra hết sức khốc liệt. Mặc dù có vai trò rất quan trọng nhưng tình trạng phá rừng, hủy hoại rừng vẫn tiếp tục diễn biến hết sức phức tạp, gây ra những hậu quả rất nghiêm trọng, làm mất cân bằng hệ sinh thái, sự đa dạng sinh học, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống của loài người, cũng như ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế, xã hội của các quốc gia trong đó có Việt Nam.

Ở nước ta, diện tích rừng cả nước và ở khu vực Tây Nguyên đang bị suy giảm nhanh cả về diện tích và chất lượng. Tính đến cuối năm 2014, Tây Nguyên còn hơn 2.567.118 ha đất có rừng, giảm 180.000 ha so với năm 2010; trong đó, diện tích rừng giảm do chuyển đổi mục đích sử dụng 110.000 ha, quy hoạch địa phương 37.800 ha, phá rừng và lấn chiếm đất rừng 122.900 ha (chiếm 45%)... Trong vòng 5 năm (từ năm 2010 - 2014), trữ lượng rừng Tây Nguyên cũng giảm hơn 57 triệu m<sup>3</sup> (giảm từ 327 triệu m<sup>3</sup> năm 2010 xuống 270 triệu m<sup>3</sup> năm 2015); diện tích rừng giảm tới 6,1%, đưa độ che phủ của rừng từ 51,8 % xuống chỉ còn hơn 45%; tỉ lệ rừng gỗ loại giàu chỉ còn 10,4%, loại trung bình là 22,7%, còn lại gần 67% là loại nghèo kiệt; các loại gỗ quý có giá trị cao còn rất hiếm, chỉ có ở các vùng xa xôi hiểm trở,

các loại thảo dược quý hiếm bị khai thác cạn kiệt, số lượng động vật rừng cũng giảm mạnh; chất lượng rừng nhất là trữ lượng gỗ đã giảm tới 17,4%. Chỉ riêng tại địa bàn tỉnh Gia Lai, trong vòng 10 năm qua (từ 2010 - 2018), tổng diện tích rừng đã giảm tới hơn 111.755 ha; cụ thể từ 2010 – 2013, diện tích rừng giảm 75.213 ha, từ 2014 – 2018 giảm 36.542 ha. Một trong những nguyên nhân trực tiếp làm cho diện tích rừng tại Gia Lai bị suy giảm nghiêm trọng như trên là do tình trạng chặt phá rừng, đốt rừng, hủy hoại rừng tại đây đã và đang diễn biến theo chiều hướng tinh vi hơn, phức tạp hơn; chỉ trong giai đoạn 2014 - 2018 trên địa bàn tỉnh đã phát hiện 3.590.112 vụ vi phạm luật bảo vệ và phát triển rừng trong đó số vụ án đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử theo thống kê của VKSND tỉnh Gia Lai và TAND tỉnh Gia Lai là 142 vụ, diện tích rừng bị lấn chiếm trái phép theo thống kê của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Gia Lai là khoảng 316 ha.

Nguyên nhân của tình trạng này là do công tác quản lý bảo vệ rừng yếu kém, hiện tượng cán bộ “tiếp tay” cho các đối tượng phá rừng, vận chuyển gỗ lậu; công tác quản lý đối với các cơ sở chế biến gỗ, tụ điểm mua, bán gỗ kém hiệu quả; việc sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp gặp nhiều khó khăn, vướng mắc; cơ chế chính sách đặc thù cho phát triển lâm nghiệp còn nhiều bất cập, hạn chế. Bên cạnh đó, hiện nay quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hủy hoại rừng còn tồn tại nhiều bất cập; có lúc, có nơi vẫn còn hiện tượng vi phạm pháp luật của chính các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Đó là những vi phạm về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn tố tụng; thậm chí tồn tại những hiện tượng vi phạm pháp luật nghiêm trọng như cố ý không xử lý về hình sự, không thực hiện đầy đủ các hoạt động điều tra nhằm thu thập những chứng cứ quan trọng, không đảm bảo các quyền bào chữa cơ bản của người bị buộc tội. Đáng lo ngại hơn khi số lượng các vi phạm pháp luật trên bị phát hiện và xử lý quá muộn, quá ít, chưa tương xứng với tính chất và mức độ vi phạm. Để xảy ra tình trạng trên, VKS có một phần trách nhiệm không nhỏ vì VKS có quyền kiểm sát các hoạt động tư pháp, và đây là một chức năng hiến định của VKS và được BLTTHS quy định cụ thể. Thực sự cần phải đặt ra câu hỏi là tại sao dù có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn như vậy nhưng



công tác KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng của VKS vẫn chưa thật sự hiệu quả? Xuất phát từ những bất cập, hạn chế gì? Và cần phải có những giải pháp nào để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng để hoạt động này thực sự trở thành một trong những giải pháp “cầm máu” cho rừng tự nhiên? Theo chúng tôi, đây thực sự là những vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu.

Xuất phát từ thực trạng tội phạm hủy hoại rừng tại tỉnh Gia Lai vẫn còn diễn biến phức tạp, gây nhức nhối trong khi hoạt động KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng còn hạn chế nên tác giả đã lựa chọn đề tài “Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong vụ án hủy hoại rừng theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Gia Lai” làm luận văn thạc sĩ luật học của mình với mong muốn góp phần đấu tranh phòng ngừa, xử lý tội phạm hủy hoại rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đề tài**

Qua nghiên cứu một số công trình có liên quan đến đề tài thì có thể thấy đề tài KSVTTPL trong TTHS là một đề tài khá quen thuộc trong khoa học luật tố tụng hình sự, nhất là trong giới khoa học kiểm sát. Có thể khái quát một số công trình khoa học đã nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận văn như: Bài viết của GS.TSKH Lê Cẩm (2011), “Viện kiểm sát Việt Nam”, đã đề cập một cách sâu sắc chức năng, nhiệm vụ, thiết chế về Viện Công tố, Viện kiểm sát nhân dân các nước trên thế giới; vị trí của Viện kiểm sát nhân dân trong bộ máy nhà nước ta; phân tích sự cần thiết phải tiếp tục duy trì các chức năng của Viện kiểm sát nhân dân như quy định của Hiến pháp hiện hành; sách do GS.TS. Nguyễn Đăng Dung chủ biên (xuất bản năm 2012), “*Những vấn đề về Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp*”, đề cập đến sự ra đời và phát triển VKS, cơ cấu tổ chức VKS qua các bản Hiến pháp, làm rõ sự cần thiết thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân trong từng thời kỳ lịch sử; sách chuyên khảo do TS. Lê Hữu Thế làm chủ biên (năm 2008), “*Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*”, NXB Tư pháp, đã đề cập các quan điểm và lý luận chung về chức năng, nhiệm vụ của VKS trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, đối tượng, phạm vi quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự trong giai đoạn điều tra; đề tài “*Vai trò của*

*Viện kiểm sát trong việc THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị*” năm 2002 của Viện Khoa học Kiểm sát – VKSNDTC; “*Những biện pháp chủ yếu về nâng cao chất lượng kiểm sát hoạt động tư pháp và THQCT trong năm 2002*” của Hoàng Công Huân trên Tạp chí Kiểm sát số 2/2002... Tuy nhiên, các công trình này chỉ nghiên cứu một hoặc một số nội dung của KSVTTPL trong TTHS như hoạt động kiểm sát hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự hoặc KSVTTPL trong giai đoạn khởi tố - điều tra của TTHS.

Hiện nay, đối với đề tài KSVTTPL trong vụ án hình sự với một tội danh cụ thể theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam thì chưa có một công trình nào nghiên cứu chuyên sâu, đặc biệt ở bậc cao học. Do vậy, có thể coi đề tài “Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong vụ án hủy hoại rừng theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Gia Lai” là một công trình nghiên cứu chuyên sâu ở bậc cao học về đề tài KSVTTPL trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án hình sự với một tội danh cụ thể từ khởi tố, điều tra, truy tố đến xét xử vụ án hình sự trong bối cảnh kinh tế, xã hội của tỉnh Gia Lai thời gian qua.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

*3.1. Mục đích nghiên cứu:* Luận văn tập trung làm rõ những vấn đề lý luận về KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng theo pháp luật TTHS và các quy định của pháp luật liên quan đến tội hủy hoại rừng. Bên cạnh đó, trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật TTHS từ thực trạng, số liệu khởi tố, điều tra, truy tố đến xét xử đối với tội hủy hoại rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; luận văn tập trung đánh giá thực trạng, xác định các nguyên nhân, điều kiện tác động tới quá trình triển khai thực hiện; để từ đó, góp ý một số giải pháp và đề xuất nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng theo pháp luật TTHS Việt Nam; góp phần trong công cuộc đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

#### *3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:*

- Làm sáng tỏ cơ sở lý luận về KSVTTPL trong TTHS và các vấn đề lý luận liên quan đến tội hủy hoại rừng theo pháp luật hình sự Việt Nam.

- Nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật TTHS Việt Nam trong việc thực hiện một số hoạt động KSVTTPL trong TTHS từ giai đoạn khởi tố, điều tra, xét xử vụ án hình sự về tội hủy hoại rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai để từ đó rút ra những hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của hoạt động KSVTTPL trong các vụ án liên quan đến loại tội phạm này.

- Đưa ra các giải pháp, đề xuất về hoàn thiện pháp luật, cũng như các giải pháp, đề xuất nhằm nâng cao vai trò, hiệu quả của hoạt động KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng theo pháp luật TTHS.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

*4.1. Đối tượng nghiên cứu:* Luận văn nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến hoạt động KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Gia Lai.

*4.2. Phạm vi nghiên cứu:* Luận văn tập trung nghiên cứu một số vấn đề về hoạt động KSVTTPL tố tụng hình sự trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử vụ án hủy hoại rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2014 - 2018.

#### **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Luận văn được thực hiện dựa trên cơ sở các phương pháp luận biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam về đấu tranh và phòng ngừa tội phạm ở nước ta. Đồng thời, để phù hợp với nội dung nghiên cứu và giải quyết được các nhiệm vụ mà đề tài đặt ra, luận văn đã sử dụng phối hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành như phương pháp lịch sử, phân tích, so sánh, chứng minh, tổng hợp.

#### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn**

Thông qua các nội dung nghiên cứu, luận văn góp phần làm rõ về mặt lý luận và thực tiễn về hoạt động KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng. Luận văn cũng sẽ là tài liệu bổ ích không những cho cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học tham khảo, mà còn giúp cho KSV những kiến thức cơ bản, thao tác nghiệp vụ kiểm sát cụ thể khi THQCT, KSVTTPL trong tố tụng hình sự. Những đề xuất trong luận văn sẽ

góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của VKS trong đấu tranh, phòng ngừa tội phạm hủy hoại rừng trong thời gian tới.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, nội dung luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1:* Lý luận chung về kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự và các vấn đề lý luận liên quan đến tội hủy hoại rừng theo pháp luật hình sự Việt Nam.

*Chương 2:* Thực trạng hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong vụ án hủy hoại rừng theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

*Chương 3:* Một số giải pháp và đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong vụ án hủy hoại rừng theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

## Chương 1

# LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG VỤ ÁN HỦY HOẠI RỪNG THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

### 1.1. Các dấu hiệu pháp lý của tội hủy hoại rừng và hình phạt đối với cá nhân, pháp nhân thương mại phạm tội hủy hoại rừng

#### 1.1.1. Các dấu hiệu pháp lý

##### 1.1.1.1 Khách thể của tội hủy hoại rừng

Khách thể của tội hủy hoại rừng là chế độ quản lý, bảo vệ môi trường, chế độ bảo vệ và phát triển rừng được luật hình sự bảo vệ và bị hành vi hủy hoại rừng xâm hại đến. Khoản 1 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường 2014 (Luật BVMT 2014) quy định “Môi trường là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật”. Các tội phạm môi trường được quy định tại BLHS năm 2015; trong đó có tội hủy hoại rừng đều dẫn chiếu tới việc điều chỉnh các hành vi nhằm đáp ứng yêu cầu của các quy định của các công ước quốc tế về môi trường mà Việt Nam đã tham gia như: Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các hành vi bị truy cứu trách nhiệm hình sự được chia nhỏ với khung hình phạt tương ứng.

Đồng thời, cần phân biệt rừng là đối tượng tác động của tội hủy hoại rừng với rừng là đối tượng tác động của các tội xâm phạm sở hữu. Theo quy định tại Điều 4; Khoản 4, Khoản 5 Điều 3; Khoản 4 Điều 6 Luật Bảo vệ và phát triển rừng 2004 (Luật BV&PTR) và Điều 158 Bộ luật Dân sự 2015 khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định trao quyền sử dụng rừng cho chủ rừng thông qua hình thức giao rừng; cho thuê rừng; công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng thì tổ chức, tập thể, hộ gia đình, cá nhân trở thành chủ rừng và có quyền sở hữu đối với diện tích đã được giao với ba quyền năng chiếm hữu, sử dụng, định đoạt. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 6; Khoản 2 Điều 11 Luật

BV&PTR, trên phần diện tích rừng đã được Nhà nước công nhận quyền sở hữu, nguồn vốn để chăm sóc, trồng trọt, bảo vệ và phát triển rừng không từ nguồn vốn ngân sách của Nhà nước mà do chính tập thể, tổ chức, hộ gia đình hoặc cá nhân bỏ vốn đầu tư và phát triển. Trong trường hợp này, nếu có hành vi hủy hoại rừng mà không phải do chủ rừng thực hiện thì sẽ tác động đến quyền sở hữu tài sản của chủ rừng, lúc này rừng trở thành đối tượng tác động của tội phạm xâm phạm về sở hữu, thì hành vi phạm tội sẽ bị truy cứu TNHS theo các điều luật tương ứng quy định tại chương XIV – Các tội xâm phạm sở hữu của BLHS, cụ thể là tội “Hủy hoại tài sản”. Như vậy, đối tượng tác động của tội hủy hoại rừng ở đây là rừng nói chung, do Nhà nước quản lý, hoặc giao cho cơ quan, tổ chức quản lý như chính quyền địa phương, các lâm trường, cá nhân, hộ gia đình, tổ chức chăm sóc, bảo vệ, nguồn vốn đầu tư chăm sóc, trồng trọt và bảo vệ là từ nguồn ngân sách của Nhà nước hoặc do các nhân, tổ chức, hộ gia đình bỏ ra đầu tư. Trong trường hợp này, nếu có hành vi hủy hoại rừng thì đã tác động xấu đến sự ổn định và tồn tại, phát triển bình thường của môi trường, đến sự quản lý của Nhà nước về rừng nên sẽ thuộc đối tượng tác động của tội hủy hoại rừng.

#### *1.1.1.2. Mặt khách quan của tội hủy hoại rừng*

Trong mặt khách quan của tội hủy hoại rừng có hành vi khách quan nguy hiểm cho xã hội, người phạm tội hủy hoại rừng có thể thực hiện một hoặc một số hành vi khách quan gây nguy hiểm cho xã hội gồm: hành vi đốt rừng trái phép; hành vi phá rừng trái phép; hành vi khác hủy hoại rừng. Điều kiện để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi đốt, phá rừng trái pháp luật hoặc các hành vi khác hủy hoại rừng phải đáp ứng đầy đủ các cấu thành cơ bản của tội phạm này, các điều kiện cần và đủ là hành vi hủy hoại rừng gây hậu quả nghiêm trọng mà cụ thể việc gây hậu quả thế nào là nghiêm trọng, tiêu chí nào đánh giá. BLHS năm 2015 không quy định chung là gây hậu quả nghiêm trọng mà quy định cụ thể hóa về hậu quả số lượng diện tích rừng và giá trị lâm sản bị thiệt hại ngay trong điều luật [16, Khoản 1 Điều 243]. Bên cạnh đó, hành vi phạm tội hủy hoại rừng chưa gây hậu quả nghiêm trọng nhưng vẫn phải chịu TNHS trong trường hợp người phạm tội gây thiệt hại đối

với diện tích rừng hoặc trị giá lâm sản tuy dưới mức quy định nhưng đã bị XPVPHC về một trong các hành vi được quy định tại Điều 243 BLHS 2015 hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì cũng bị xử lý hình sự về tội danh hủy hoại rừng. Trường hợp được xem là đã bị XPVPHC được hướng dẫn tại mục 1, phần I Thông tư số 19/2007/TTLT: “Bị coi là đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 189 BLHS nêu trước đó đã bị XPVPHC về một trong những hành vi được liệt kê tại khoản 1 Điều 189 BLHS nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị XPVPHC theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà lại thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 của Điều luật tương ứng đó”. Khoản 2 Điều 7 Nghị định 157/2013/NĐ-CP cũng quy định các hành vi vi phạm được xem xét để truy cứu TNHS dựa trên mức tối đa XPVPHC khi người có hành vi vi phạm các điều luật được viện dẫn.

Giữa hành vi vi phạm với hậu quả của hành vi phạm tội phải có mối quan hệ nhân quả với nhau, hành vi phạm tội là tiền đề của hậu quả trong trường hợp hậu quả là cấu thành cơ bản của hành vi phạm tội. Do đó, để buộc người đã thực hiện hành vi phạm tội hủy hoại rừng phải chịu TNHS thì cơ quan tiến hành tố tụng cần phải chứng minh được giữa hành vi phạm tội và hậu quả xảy ra có mối quan hệ nhân quả, nội tại và tất yếu với nhau. Ngoài ra, trong trường hợp hủy hoại rừng không những chỉ gây thiệt hại về rừng mà còn gây ra các thiệt hại khác như thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của người khác, tài sản của Nhà nước, tập thể, của cá nhân đến mức phải truy cứu TNHS thì ngoài việc bị xử lý về tội hủy hoại rừng còn bị xử lý về tội tương ứng quy định trong BLHS.

#### *1.1.1.3. Mặt chủ quan của tội hủy hoại rừng*

Về lý trí: người phạm tội nhận thức rõ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi hủy hoại rừng do mình thực hiện. Người phạm tội nhận thức được rằng khi thực hiện hành vi đó thì rừng sẽ bị hủy hoại, do đó, sẽ xâm hại đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường mà cụ thể là bảo vệ rừng; từ đó sẽ gây thiệt hại về tài sản, tiền của của Nhà nước, gây tác động xấu đến môi trường sinh thái dẫn tới

ảnh hưởng đến cuộc sống của con người.

Về ý chí: Người phạm tội khi thực hiện hành vi hủy hoại rừng có thể mong muốn hoặc không mong muốn nhưng có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra.

Về động cơ, mục đích phạm tội: Trong mặt chủ quan của tội hủy hoại rừng, động cơ, mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc của tội hủy hoại rừng.

#### *1.1.1.4. Chủ thể của tội hủy hoại rừng*

Chủ thể của tội hủy hoại rừng là chủ thể thường; điều đó có nghĩa là bất kỳ ai, có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS (đủ 16 tuổi trở lên) và pháp nhân thương mại đều có thể là chủ thể của tội hủy hoại rừng.

Pháp nhân thương mại chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi có đủ bốn điều kiện sau đây [16, Khoản 1 Điều 75]: (i) hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; (ii) hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại; (iii) hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại; (iv) chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 27 của BLHS 2015.

### ***1.1.2 Hình phạt đối với cá nhân và pháp nhân thương mại phạm tội hủy hoại rừng***

#### *1.1.2.1. Hình phạt đối với cá nhân phạm tội*

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, Điều 243 BLHS 2015 quy định tội hủy hoại rừng có hai khung hình phạt:

*Thứ nhất*, về khung hình phạt cơ bản: Khoản 1 Điều 243 BLHS 2015 quy định phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm; Khoản 2 Điều 243 BLHS 2015 quy định phạt tù từ 03 năm đến 07 năm; Khoản 3 Điều BLHS 2015 quy định phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. Theo đó, các dấu hiệu định khung hình phạt của tội hủy hoại rừng như sau:

- Một là, về định khung cơ bản:

+ Trường hợp thứ nhất là hành vi hủy hoại rừng gây hậu quả nghiêm trọng:

Khoản 1 Điều 243 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) quy định hành vi hủy hoại



cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích từ trên 30.000 mét vuông (m<sup>2</sup>) đến dưới 50.000 mét vuông (m<sup>2</sup>); rừng sản xuất có diện tích từ trên 5.000 mét vuông (m<sup>2</sup>) đến dưới 10.000 mét vuông (m<sup>2</sup>); rừng phòng hộ có diện tích từ trên 3.000 mét vuông (m<sup>2</sup>) đến dưới 7.000 mét vuông (m<sup>2</sup>); rừng đặc dụng có diện tích từ trên 1.000 mét vuông (m<sup>2</sup>) đến dưới 3.000 mét vuông (m<sup>2</sup>) thì bị xử lý TNHS về tội hủy hoại rừng. Như vậy, Điều 243 đã cụ thể hóa dấu hiệu “gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại BLHS năm 1999 bằng các định lượng cụ thể như gây thiệt hại về lâm sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng trong trường hợp rừng bị thiệt hại không tính được bằng diện tích hoặc gây thiệt hại về thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 60.000.000 đồng; thực vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá từ 40.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

+ Trường hợp thứ hai là hành vi hủy hoại rừng tuy chưa gây hậu quả nghiêm trọng nhưng đã bị XPVPHC về một trong các hành vi quy định tại Điều 243 BLHS hoặc đã bị kết án về tội hủy hoại rừng, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì vẫn phải chịu TNHS được quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 243 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung 2017: “Diện tích rừng hoặc trị giá lâm sản dưới mức quy định tại một trong các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”. Trước đây, tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định 157/2013/NĐ-CP đã quy định các hành vi vi phạm được xem xét để truy cứu TNHS là dựa trên mức tối đa XPVPHC. Trong mục 1, phần I Thông tư số 19/2007/TTLT có giải thích về trường hợp này như sau: “Bị coi là đã bị XPVPHC về hành vi này mà còn vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 189 BLHS nếu trước đó đã bị XPVPHC về một trong những hành vi được liệt kê tại khoản 1 Điều 189 BLHS nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị XPVPHC theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà lại thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 của

Điều luật tương ứng đó”. Như vậy, theo BLHS 2015 thì hành vi phạm tội hủy hoại rừng với diện tích rừng hoặc giá trị lâm sản bị hủy hoại tuy dưới mức định lượng của pháp luật nhưng chỉ cần chủ thể đó đã bị XPVPHC hoặc chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì vẫn phải chịu TNHS.

- Hai là, về định khung tăng nặng:

+ Khoản 2 Điều 243 BLHS 2015 đã quy định các tình tiết định khung tăng nặng như sau: Có tổ chức; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức; Tái phạm nguy hiểm; Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích từ 50.000 mét vuông ( $m^2$ ) đến dưới 100.000 mét vuông ( $m^2$ ); Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông ( $m^2$ ) đến dưới 50.000 mét vuông ( $m^2$ ); Rừng phòng hộ có diện tích từ 7.000 mét vuông ( $m^2$ ) đến dưới 10.000 mét vuông ( $m^2$ ); Rừng đặc dụng có diện tích từ 3.000 mét vuông ( $m^2$ ) đến dưới 5.000 mét vuông ( $m^2$ ); Gây thiệt hại về lâm sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng trong trường hợp rừng bị thiệt hại không tính được bằng diện tích; Thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá từ 60.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; thực vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng. Có thể thấy, BLHS 2015 đã xây dựng các tình tiết định khung hình phạt tăng nặng của tội hủy hoại rừng trên cơ sở định lượng hóa các tình tiết “Hủy hoại diện tích rừng rất lớn”, “Chặt phá các loại thực vật quý hiếm thuộc danh mục quy định của Chính phủ”, “Gây hậu quả rất nghiêm trọng” quy định tại Khoản 2 Điều 189 BLHS 1999 theo hướng cụ thể hơn, rõ ràng hơn, phù hợp hơn và đặc biệt là không còn phụ thuộc vào văn bản dưới luật (Thông tư 19) với các căn cứ định tội định khung “tái phạm nguy hiểm” lần đầu tiên quy định trong tội hủy hoại rừng và diện tích các loại rừng cụ thể bị thiệt hại (cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi, tái sinh; rừng sản xuất; rừng phòng hộ; rừng đặc dụng); giá trị lâm sản và thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm...

+ Khoản 3 Điều 243 BLHS 2015 quy định các tình tiết định khung tăng nặng như sau: Cây trồng chưa thành rừng hoặc rừng khoanh nuôi tái sinh thuộc rừng chưa có trữ lượng có diện tích 100.000 mét vuông (m<sup>2</sup>) trở lên; Rừng sản xuất có diện tích 50.000 mét vuông (m<sup>2</sup>) trở lên; Rừng phòng hộ có diện tích 10.000 mét vuông (m<sup>2</sup>) trở lên; Rừng đặc dụng có diện tích 5.000 mét vuông (m<sup>2</sup>) trở lên; Gây thiệt hại về lâm sản trị giá 200.000.000 đồng trở lên trong trường hợp rừng bị thiệt hại không tính được bằng diện tích; Thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA trị giá 100.000.000 đồng trở lên; thực vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA trị giá 200.000.000 đồng trở lên. Tương tự như Khoản 2, Khoản 3 Điều 243 BLHS 2015 đã sửa đổi, bổ sung mới hoàn toàn các tình tiết định khung tăng nặng, theo đó xây dựng mới các điểm a, b, c, d, đ, e, trên cơ sở định lượng các tình tiết định khung tăng nặng như “Huỷ hoại diện tích rừng đặc biệt lớn”, “Huỷ hoại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng”, “Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Khoản 3 Điều 189 BLHS 1999. Khoản 3 Điều 243 thể hiện kỹ thuật lập pháp cao của BLHS năm 2015 khi căn cứ vào diện tích cụ thể của rừng bị thiệt hại, giá trị cụ thể của lâm sản bị thiệt hại và thực vật thuộc danh mục quy định để làm căn cứ định tội theo khung tăng nặng.

*Thứ hai*, về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 243 BLHS 2015 quy định về hình phạt bổ sung đối với người phạm tội hủy hoại rừng như sau: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. So với BLHS 1999 thì BLHS 2015 đã tăng mức phạt tiền lên từ “20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng” so với mức phạt tiền từ “5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng” được quy định tại Khoản 4 Điều 189 BLHS 1999. Đây là mức phạt tiền phù hợp, đảm bảo tính răn đe khi tác động vào mặt vật chất của người phạm tội.

#### *1.1.2.2. Hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội*

Khoản 5 Điều 243 BLHS 2015 quy định về hình phạt đối với pháp nhân

thương mại phạm tội như sau: “*Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng; Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, h và i khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng; Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 5.000.000.000 đồng đến 7.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm; Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn; Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm*”.

Sở dĩ BLHS cần quy định pháp nhân thương mại phải là một trong những chủ thể chịu TNHS đối với tội hủy hoại rừng là vì các loại tội phạm về môi trường nói chung và tội phạm hủy hoại rừng nói riêng có đặc điểm là khả năng bị phát hiện, xử lý là không cao so với các tội phạm khác do việc thu thập chứng cứ và chứng minh rất khó, biểu hiện về hậu quả lại thường không tức thời, rõ ràng; bên cạnh đó, hành vi phạm tội thường lặp đi lặp lại nhiều lần, trong thời gian dài, đặc biệt là ở các tội như tội gây ô nhiễm môi trường, tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản... thêm vào đó, lợi nhuận từ hành vi gây ô nhiễm môi trường là khá lớn, có thể giúp doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất; qua đó, thu về nguồn lợi nhuận cao. Chính vì những nguyên nhân trên nên nếu hình phạt không đủ mạnh để răn đe thì tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm sẵn sàng tái phạm nhiều lần. Do đó, BLHS 2015 đã thay đổi cách xác định hình phạt; theo đó, xác định hình phạt tiền là hình phạt chính được áp dụng chủ yếu đối với các tội phạm môi trường nói chung. Bên cạnh đó, mức phạt tiền theo quy định của BLHS 2015 cao hơn rất nhiều so với quy định của BLHS 1999. Nếu như cá nhân phạm tội thì hình phạt chính có thể bị áp dụng hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ, hoặc phạt tù; ngoài ra còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định nhưng đối với trường hợp pháp nhân thương mại phạm tội, hình phạt chính chỉ áp dụng hình thức phạt tiền với mức thấp nhất là 50 triệu đồng và cao nhất

lên đến 20 tỷ đồng; ngoài ra pháp nhân thương mại còn bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm kinh doanh trong một số lĩnh vực, cấm hoạt động trong một thời hạn, cấm huy động vốn... nếu phạm các tội về môi trường. Do có sự thay đổi trong cách xác định chung về hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội nên hiện nay nếu pháp nhân thương mại phạm tội hủy hoại rừng thì hình phạt chính được áp dụng là hình thức phạt tiền với mức phạt thấp nhất là 500 triệu đồng còn cao nhất lên đến 07 tỷ đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm. Bên cạnh đó, nếu pháp nhân thương mại rơi vào trường hợp được quy định tại Điều 79 BLHS 2015 thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

## **1.2. Các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong vụ án hủy hoại rừng**

### ***1.2.1. Khái niệm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong vụ án hủy hoại rừng***

Ngày 24/11/2014, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua Luật Tổ chức VKSND để thể chế hóa quy định tại Điều 107 Hiến pháp 2013 về chế định VKSND. Trong đó quy định về chức năng và nhiệm vụ của VKSND như sau: “VKSND là cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. VKSND có nhiệm vụ bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất”; như vậy, VKSND có chức năng THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp. BLTTHS năm 2015 tiếp tục cụ thể hóa chức năng này của VKSND tại Điều 20 và nâng các chức năng THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND lên thành trách nhiệm của VKSND trong hoạt động TTHS. Theo pháp luật Việt Nam thì TTHS là toàn bộ quá trình giải quyết vụ án hình sự, từ khởi tố, điều tra, truy tố đến xét xử và thi hành án. Nói cách khác, TTHS là toàn bộ hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và cá nhân, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội nhằm giải quyết vụ

án khách quan, toàn diện, nhanh chóng, chính xác và đúng quy định của pháp luật. Theo đó, các hoạt động trong TTHS bao gồm:

+ Hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng trong vụ án hình sự, gồm có: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án – là những các cơ quan có vai trò chủ đạo trong việc giải quyết các vụ án hình sự.

+ Hoạt động của những người tiến hành tố tụng: theo đó, người tiến hành tố tụng là những công chức trong cơ quan tiến hành tố tụng, được bổ nhiệm vào các chức danh tố tụng, có thẩm quyền thực hiện những hoạt động tố tụng nhất định trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đó nhằm góp phần giải quyết vụ án hình sự.

+ Hoạt động của những người tham gia tố tụng, theo đó, hoạt động của những người tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình (người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan); hoạt động của những người tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác; hoạt động của những người tham gia tố tụng nhằm giúp cơ quan tiến hành tố tụng xác định sự thật vụ án (người làm chứng, người giám định, người phiên dịch).

Tất cả các hoạt động nêu trên đều phát sinh trong lĩnh vực TTHS, có thể coi là các hoạt động TTHS; do đó, KSVTTP trong TTHS là kiểm sát tất cả các hoạt động nêu trên, của các chủ thể nêu trên.

Về khái niệm “hoạt động tư pháp”, chúng ta có thể tìm hiểu thông qua quy định về chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND được quy định tại Khoản 1 Điều 4 Luật Tổ chức VKSND năm 2014: “Kiểm sát hoạt động tư pháp là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân để kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp, được thực hiện ngay từ khi tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự; trong việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; việc thi hành án, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; các hoạt động

tư pháp khác theo quy định của pháp luật”. Qua quy định trên, có thể thấy hoạt động tư pháp bao gồm các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân được thực hiện ngay từ khi tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự; trong việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; việc thi hành án, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp; các hoạt động tư pháp khác theo quy định của pháp luật. Có thể thấy, hoạt động tư pháp được thực hiện không chỉ là hoạt động xét xử của TA mà còn bao gồm hoạt động của các cơ quan khác, tổ chức khác được Nhà nước thành lập, trực tiếp liên quan hoặc phục vụ cho việc xét xử của TA và TA sẽ sử dụng công khai các kết quả của các cơ quan đó thông qua các hoạt động điều tra, truy tố, bào chữa, giám định tư pháp, áp dụng các thủ tục tư pháp theo luật định để nhân danh Nhà nước đưa ra phán quyết cuối cùng. Do đó, hoạt động tư pháp có thể được hiểu là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước do các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan thi hành án và các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện, hỗ trợ cho công tác xét xử của TA, được thực hiện trong quá trình tố tụng và được điều chỉnh bằng pháp luật tố tụng, trực tiếp liên quan tới quá trình giải quyết các vụ án. Như vậy, hoạt động tư pháp trong TTHS chính là các hoạt động do cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện, mang tính quyền lực nhà nước, được thực hiện trong quá trình TTHS, được điều chỉnh bằng pháp luật TTHS, trực tiếp liên quan tới quá trình giải quyết các vụ án hình sự.

Về khái niệm vụ án hình sự, pháp luật hiện hành không quy định như thế nào là vụ án hình sự nhưng chúng ta có thể căn cứ theo quy định tại Điều 18 BLTTHS 2015 về trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự để xác định nội hàm của khái niệm vụ án hình sự; cụ thể: “Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm khởi tố vụ án, áp dụng các biện pháp do Bộ luật này quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội, pháp nhân phạm tội. Không được khởi tố vụ án ngoài những căn cứ và trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định”. Từ quy định trên, có thể nhận thấy vụ án hình sự phát sinh khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm và

CQĐT, VKS, TA khởi tố vụ án và áp dụng các biện pháp được quy định trong BLTTHS để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội. Với cách hiểu trên thì có thể khái quát về khái niệm của vụ án hủy hoại rừng như sau: *“Vụ án hủy hoại rừng là vụ việc phạm pháp có dấu hiệu của tội hủy hoại rừng đã được quy định trong BLHS, đã được CQĐT ra lệnh khởi tố về hình sự để tiến hành điều tra, truy tố, xét xử theo các trình tự, thủ tục đã được quy định tại BLTTHS. Người phạm tội bị khởi tố về hình sự để tiến hành điều tra, truy tố, xét xử theo các quy định của BLTTHS và có thể bị phạt tù, bị cấm hành nghề nếu qua xét xử tòa án đã đủ chứng cứ chứng minh là phạm tội và đã ra quyết định bằng một bản án hình sự”*.

Như vậy, qua việc phân tích về các hoạt động trong TTHS, hoạt động tư pháp trong TTHS; các quy định của pháp luật về chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp của VKSND và khái niệm về vụ án hủy hoại rừng thì có thể rút ra khái niệm về KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng như sau: *Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong vụ án hủy hoại rừng là hoạt động của VKSND để kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân (bao gồm cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan) trong hoạt động TTHS để giải quyết vụ án hủy hoại rừng, được thực hiện từ khi khởi tố vụ án hình sự và trong suốt quá trình giải quyết vụ án hủy hoại rừng.*

Hoạt động KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng theo khái niệm trên có một số đặc điểm cơ bản sau:

- Về chủ thể KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng: Do pháp luật thực định chỉ quy định chỉ có một loại chủ thể thực hiện KSVTTPL trong TTHS là VKS theo quy định tại Điều 20 BLTTHS 2015: *“...VKS thực hành quyền công tố và KSVTTPL trong TTHS, quyết định việc buộc tội, phát hiện vi phạm pháp luật nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội, vi phạm pháp luật đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội*



phạm và người phạm tội, pháp nhân phạm tội, không làm oan người vô tội” nên chủ thể KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng chính là Viện kiểm sát.

- Về đối tượng, phạm vi và mục đích KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng:

+ Đối tượng kiểm sát: Đối tượng KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng là các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân (bao gồm cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan) trong hoạt động TTHS để giải quyết vụ án hủy hoại rừng.

+ Phạm vi kiểm sát: Phạm vi KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng bắt đầu từ khi khởi tố vụ án hình sự và trong suốt quá trình giải quyết vụ án hủy hoại rừng. Để KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng với phạm vi kiểm sát như trên thì phương thức KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng được VKS thể hiện bằng việc kiểm tra, giám sát một cách liên tục – cụ thể – trực tiếp đối với các hoạt động tố tụng. Theo đó, tính liên tục thể hiện ở chỗ: trong toàn bộ quá trình giải quyết một vụ án hình sự, VKS có quyền và nghĩa vụ có mặt tại tất cả các giai đoạn; tính cụ thể của phương thức kiểm sát chính là việc VKS có quyền giám sát chi tiết, tỉ mỉ các hoạt động cụ thể: khám nghiệm hiện trường, hỏi cung, lấy lời khai, thực nghiệm điều tra... VKS kiểm sát một cách trực tiếp đối với các hoạt động tố tụng thể hiện ở việc có mặt, theo sát các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình thực hiện các hoạt động giải quyết vụ án hủy hoại rừng.

+ Mục đích kiểm sát: Mục đích KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng là để kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân (bao gồm cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan) trong hoạt động TTHS để giải quyết vụ án hủy hoại rừng.

Xuyên suốt toàn bộ quá trình tố tụng kể từ khi khởi tố, điều tra đến truy tố, xét xử vụ án hủy hoại rừng, VKS có quyền và nghĩa vụ áp dụng các biện pháp cần thiết để tác động trực tiếp tới các đối tượng bị kiểm sát nhằm đảm bảo cho hoạt động giải quyết vụ án hủy hoại rừng được theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh, thống nhất trong quá trình giải

quyết vụ án hủy hoại rừng. Để kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động TTHS để giải quyết vụ án hủy hoại rừng, pháp luật đã trao cho VKS các nhóm quyền năng pháp lý sau: (i) Nhóm các quyền nhằm phát hiện vi phạm pháp luật; đó là các quyền kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra, hoạt động xét xử, hoạt động tạm giữ, tạm giam, quản lý vào giáo dục người chấp hành án phạt tù, hoạt động thi hành án hình sự (kiểm tra, giám sát việc tiến hành những hoạt động tố tụng cụ thể, tiếp nhận các khiếu nại, tố cáo, yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, yêu cầu cung cấp thông tin về vi phạm của ĐTV, thường kỳ và bất thường trực tiếp kiểm sát tại nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam, yêu cầu thông báo tình hình tạm giữ, tạm giam, quản lý vào giáo dục người chấp hành án phạt tù...) và (ii) Nhóm các quyền nhằm khắc phục, xử lý vi phạm gồm: quyền yêu cầu khắc phục các vi phạm; quyền yêu cầu xử lý nghiêm minh ĐTV và những người có thẩm quyền khác đã vi phạm pháp luật; quyền kiến nghị, kháng nghị nhằm khắc phục các nguyên nhân và điều kiện vi phạm pháp luật; quyền yêu cầu ra văn bản giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiểm tra, trực tiếp kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo...

***1.2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát trong kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các vụ án hình sự nói chung, đối với các vụ án hủy hoại rừng nói riêng***

Nhiệm vụ, quyền hạn của VKS trong KSVTTPL đối với các vụ án hình sự nói chung và vụ án hủy hoại rừng nói riêng trong hoạt động TTHS bắt đầu từ giai đoạn khởi tố vụ án hình sự đến giai đoạn điều tra vụ án hình sự và cuối cùng là giai đoạn xét xử vụ án hình sự; cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, về nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND trong kiểm sát điều tra vụ án hình sự [17, Điều 166]. Theo Điều 166 BLTTHS 2015, khi kiểm sát điều tra vụ án hủy hoại rừng VKSND có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

Một là, KSVTTPL trong việc khởi tố, điều tra và lập hồ sơ vụ án hủy hoại rừng của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Hai là, kiểm sát hoạt động TTHS của người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến

ngộ cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật.

Ba là, giải quyết tranh chấp về thẩm quyền điều tra. Theo quy định của pháp luật thì VKS là cơ quan duy nhất có trách nhiệm giải quyết việc tranh chấp thẩm quyền về điều tra vụ án hình sự.

Bốn là, yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu liên quan để KSVTTPL trong việc khởi tố, điều tra khi cần thiết.

Năm là, khi phát hiện việc điều tra không đầy đủ, vi phạm pháp luật thì VKS yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện các hoạt động: tiến hành hoạt động điều tra đúng pháp luật; kiểm tra việc điều tra và thông báo kết quả cho VKS; cung cấp tài liệu liên quan đến hành vi, quyết định tố tụng có vi phạm pháp luật trong việc điều tra.

Sáu là, kiến nghị, yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khắc phục vi phạm trong việc khởi tố, điều tra.

Bảy là, thực hiện việc kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

Qua hoạt động KSĐT, VKS sơ hở, thiếu sót; những sơ hở đó có thể là nguyên nhân của tội phạm để các cơ quan, tổ chức có những biện pháp chủ động ngăn ngừa vi phạm và tội phạm.

*Thứ hai*, về nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND trong KSVTTPL đối với một số hoạt động trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự. Theo quy định của pháp luật, VKS có nhiệm vụ, quyền hạn kiểm sát việc TTPL trong xét xử vụ án hình sự nhằm bảo đảm việc xét xử được tiến hành chính xác, khách quan, liên tục, bảo đảm việc ra bản án, quyết định của Hội đồng xét xử phải trên cơ sở những chứng cứ đã được điều tra, đánh giá và tranh luận công khai tại phiên tòa... Trên thực tế, VKS thường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trên qua việc kiểm sát các nội dung sau: kiểm sát hoạt động chuẩn bị xét xử, thành phần và sự có mặt của những người tiến hành và tham gia tố tụng tại phiên tòa; kiểm sát việc thực hiện giới hạn của việc xét xử của

Hội đồng xét xử; KSVTTPL của Hội đồng xét xử trong quá trình điều khiển phiên toà; KSVTTPL sau khi kết thúc phiên toà sơ thẩm; kiểm sát xét xử phúc thẩm.

### ***1.2.3. Các hoạt động của Viện kiểm sát khi kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong vụ án hủy hoại rừng***

#### ***1.2.3.1. Giai đoạn khởi tố vụ án***

“Khởi tố” vụ án trong tố tụng hình sự, hiểu theo nghĩa Hán Việt, là sự khởi đầu của tố tụng, của quá trình giải quyết vụ án. Nhiệm vụ của hoạt động KSVTTPL trong việc khởi tố vụ án hình sự là góp phần bảo đảm cho mọi tội phạm phát hiện đều phải được khởi tố thông qua kiểm sát tính có căn cứ và tính hợp pháp của quyết định khởi tố. Căn cứ theo Điều 143 BLTTHS 2015, thì căn cứ để khởi tố vụ án hủy hoại rừng khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm. Việc xác định dấu hiệu tội phạm hủy hoại rừng phải dựa trên những cơ sở sau đây: tố giác của công dân; tin báo của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; tin báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; kiến nghị khởi tố của cơ quan nhà nước; cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm (CQĐT, VKS, bộ đội biên phòng, hải quan, kiểm lâm, lực lượng cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trực tiếp phát hiện dấu hiệu của tội phạm); người phạm tội tự thú.

Khi nhận được tin báo, tố giác về tội phạm, thì trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải kiểm tra, xác minh và ra một trong các quyết định: Quyết định khởi tố vụ án hình sự; Quyết định không khởi tố vụ án hình sự; Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố [17, Khoản 1 Điều 147]. Quy định này cũng được hướng dẫn tại Điều 9 và Điều 11 Thông tư liên tịch 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 do Bộ trưởng Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành (sau đây gọi tắt là Thông tư 01). VKSND có trách nhiệm kiểm sát việc giải quyết của các cơ quan điều tra đối với việc tiếp nhận

và xử lý tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố [17, Điều 152]. Do đó, trong các vụ án hủy hoại rừng thì căn cứ để xác định có dấu hiệu tội phạm hủy hoại rừng thường dựa trên những cơ sở có được từ sự phối hợp liên ngành Công an – Viện kiểm sát – Chi cục Kiểm lâm. Sau khi có vụ việc hủy hoại rừng xảy ra, Hạt kiểm lâm các huyện tiến hành các thủ tục điều tra xác minh sơ bộ ban đầu theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nếu xác định có dấu hiệu tội phạm thì thông báo bằng văn bản và phối hợp với CQĐT, VKS để kịp thời tiến hành khám nghiệm hiện trường. Trong quá trình điều tra xác minh sơ bộ, Hạt kiểm lâm các huyện chủ động phối hợp với CQĐT trong việc triệu tập, xử lý đối tượng và lập hồ sơ và bàn giao cho CQĐT khởi tố, điều tra theo quy định.

Khoản 1 Điều 153 BLTTHS 2015 quy định: “khi xác định có dấu hiệu tội phạm thì CQĐT phải ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, trừ những vụ việc do cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, VKS, Hội đồng xét xử đang thụ lý, giải quyết quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này”. Đối với các cơ quan là Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư và cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thì việc tiến hành ra quyết định khởi tố vụ án hình sự phải thuộc các trường hợp được quy định tại Điều 164 của BLTTHS 2015. Ngoài các CQĐT quy định tại Điều 163 của BLTTHS 2015, các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nếu phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thì có quyền khởi tố vụ án hình sự, tiến hành hoạt động điều tra ban đầu và chuyển hồ sơ vụ án cho CQĐT có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án hình sự.

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, VKSND ra quyết định khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp VKS hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của CQĐT, hoặc trong trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; trường hợp VKS trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hoặc trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm hoặc theo yêu cầu khởi tố của Hội đồng xét xử nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện

có việc bỏ lọt tội phạm. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, VKS phải gửi CQĐT quyết định khởi tố vụ án hình sự kèm theo các tài liệu có liên quan để CQĐT tiến hành hoạt động điều tra. Quyết định khởi tố vụ án hình sự cùng các tài liệu có liên quan của các cơ quan điều tra khác như: bộ đội biên phòng, hải quan, kiểm lâm, lực lượng cảnh sát biển, các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải được gửi tới VKS để kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự của các cơ quan này trong thời hạn 24 giờ. Quyết định khởi tố vụ án hình sự của Hội đồng xét xử phải được gửi tới VKS để xem xét, quyết định việc điều tra; yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của Hội đồng xét xử được gửi tới VKS để xem xét quyết định việc khởi tố vụ án hình sự trong thời hạn 24 giờ. Quyết định khởi tố vụ án hình sự phải ghi rõ thời gian, căn cứ khởi tố, điều khoản của BLHS áp dụng, họ tên, chức vụ của người ra quyết định khởi tố vụ án hình sự.

Theo quy định tại Điều 143 BLTTHS 2015 thì chỉ khởi tố vụ án hình sự khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm. Mục đích của việc khởi tố vụ án hình sự là việc xác nhận về mặt pháp lý một vụ việc xảy ra có dấu hiệu tội phạm để tiến hành điều tra theo quy định của pháp luật. Do đó, khi xác định không có dấu hiệu tội phạm xảy ra thì không được khởi tố vụ án hình sự. Những căn cứ không được khởi tố vụ án hình sự được quy định tại Điều 157 của BTTHS 2015; khi đã kiểm tra xác minh nguồn tin làm rõ có các căn cứ không khởi tố vụ án hình sự nêu trên thì người có quyền khởi tố vụ án ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự; nếu đã khởi tố thì phải ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự và thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố biết rõ lý do; nếu xét thấy cần xử lý bằng biện pháp khác thì chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Tuy nhiên qua quá trình xác minh, xem xét vụ việc nếu thấy không phải là tội phạm nhưng cần xem xét xử lý về mặt hành chính, về mặt dân sự thì chuyển hồ sơ cho cơ quan, tổ chức hữu quan để giải quyết theo thẩm quyền. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, người có thẩm quyền ra quyết định

không khởi tố vụ án hình sự phải gửi quyết định và các tài liệu kèm theo cho VKS cùng cấp hoặc VKS có thẩm quyền để VKS xem xét quyết định không khởi tố vụ án hình sự có đúng luật hay không.

### *1.2.3.2. Giai đoạn điều tra*

Pháp luật tố tụng hình sự nước ta quy định: “Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội.” [17, Điều 15]. Để xác định sự thật của vụ án thì phải trải qua giai đoạn điều tra vụ án hình sự; có thể nói, trong các bước của quá trình tố tụng thì đây là giai đoạn rất quan trọng, trong đó cơ quan có thẩm quyền điều tra phải tiến hành áp dụng các biện pháp tố tụng hình sự do BLTTHS quy định để chứng minh hành vi phạm tội đã xảy ra do ai thực hiện, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội đó. Từ đó làm rõ động cơ mục đích, nguyên nhân và điều kiện phạm tội... nhằm đảm bảo các chứng cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND khi kiểm sát điều tra vụ án hình sự được quy định tại Điều 166 BLTTHS 2015, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 9 Luật Tổ chức VKSND 2014, Điều 15 Luật tổ chức VKSND 2014; Khoản 5 Điều 59 Luật tổ chức VKSND năm 2014. Có Như vậy, toàn bộ hoạt động điều tra của CQĐT đều nằm dưới sự kiểm sát chặt chẽ của VKS. Trong phạm vi Luận văn này, chúng tôi sẽ phân tích một số hoạt động kiểm sát thể hiện chức năng KSVTTPL trong hoạt động điều tra của VKS để giúp chúng ta có một cái nhìn chi tiết, cụ thể hơn về chức năng kiểm sát điều tra vụ án hình sự của VKS. Cụ thể như sau:

- *Thứ nhất*, kiểm sát khám nghiệm hiện trường. Khám nghiệm hiện trường là một hoạt động điều tra quan trọng để phát hiện và thu thập các dấu vết của tội phạm, làm sáng tỏ diễn biến của hành vi phạm tội. Do đặc thù của đối tượng khám nghiệm, hoạt động khám nghiệm phải được tiến hành nhanh chóng, chính xác để tìm kiếm chứng cứ trước khi hiện trường bị xáo trộn hoặc hư hỏng dấu vết và khi

khám nghiệm hiện trường phải có mặt KSV. Khoản 2 Điều 201 và Khoản 1 Điều 202 BLTTHS 2015 quy định: “trước khi tiến hành khám nghiệm hiện trường, ĐTV phải thông báo cho VKS cùng cấp biết về thời gian, địa điểm tiến hành khám nghiệm để cử KSV kiểm sát khám nghiệm hiện trường. KSV phải có mặt để kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường”. Đối với các vụ án hủy hoại rừng, vai trò của VKS trong kiểm sát khám nghiệm hiện trường là rất quan trọng, bảo đảm cho hoạt động khám nghiệm được tiến hành khách quan, toàn diện và đúng pháp luật; từ đó, giúp đẩy nhanh tiến độ điều tra vụ án.

- *Thứ hai*, kiểm sát các hoạt động hỏi cung, lấy lời khai của những người tham gia tố tụng. Theo quy định tại Điều 87 BLTTHS 2015, lời khai, lời trình bày là một trong bảy loại nguồn chứng cứ. Thực tế hoạt động điều tra, xét xử các vụ án hủy hoại rừng hiện nay cho thấy, lời khai nhận tội của bị can được coi là chứng cứ có giá trị chứng minh đặc biệt. Do đó, đấu tranh để bị can nhận tội là một trong những trọng tâm của hoạt động điều tra và hỏi cung bị can là hoạt động dễ xuất hiện vi phạm tố tụng của CQĐT. Vì thế, đây cũng là hoạt động mà VKS phải quan tâm kiểm sát.

- *Thứ ba*, kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn. Biện pháp ngăn chặn là các biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự do cơ quan hoặc người có thẩm quyền áp dụng đối với bị can, bị cáo hoặc đối với người chưa bị khởi tố khi có các căn cứ do BLTTHS quy định, nhằm kịp thời ngăn chặn tội phạm, ngăn chặn việc bị can, bị cáo gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hoặc tiếp tục phạm tội.

- *Thứ tư*, kiểm sát việc đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra. Đình chỉ điều tra là biện pháp tố tụng do CQĐT áp dụng ở giai đoạn điều tra vụ án khi có một trong những căn cứ do pháp luật TTHS quy định. VKS kiểm sát việc tạm đình chỉ điều tra của CQĐT, bảo đảm các trường hợp tạm đình chỉ điều tra thực hiện theo đúng quy định tại Điều 229 BLTTHS 2015. Nếu thấy quyết định tạm đình chỉ điều tra không có căn cứ thì báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng hoặc KSV được Viện trưởng ủy quyền ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra của CQĐT và yêu cầu



CQĐT phục hồi điều tra theo quy định tại Điều 235 BLTTHS 2015. Khi phát hiện bị can trốn hoặc không xác định được bị can ở đâu thì KSV báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng hoặc KSV được Viện trưởng uỷ quyền yêu cầu CQĐT ra quyết định truy nã bị can trước khi tạm đình chỉ điều tra theo quy định tại Điều 231 BLTTHS 2015. Viện trưởng, Phó Viện trưởng hoặc lãnh đạo đơn vị kiểm sát điều tra phải phân công KSV thường xuyên theo dõi, quản lý các vụ án đã tạm đình chỉ. Khi thấy lý do tạm đình chỉ không còn thì KSV được phân công thụ lý giải quyết vụ án phải báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng hoặc KSV được Viện trưởng uỷ quyền ra văn bản yêu cầu CQĐT phục hồi điều tra vụ án để tiến hành điều tra.

#### *1.2.3.3. Giai đoạn xét xử*

Theo quy định của pháp luật, VKS có nhiệm vụ, quyền hạn KSVTTPL trong xét xử vụ án hình sự nhằm bảo đảm việc xét xử được tiến hành chính xác, khách quan, liên tục, bảo đảm việc ra bản án, quyết định của Hội đồng xét xử phải trên cơ sở những chứng cứ đã được điều tra, đánh giá và tranh luận công khai tại phiên toà... VKS thường kiểm sát các nội dung sau:

- *Thứ nhất*, kiểm sát hoạt động chuẩn bị xét xử, thành phần và sự có mặt của những người tiến hành và tham gia tố tụng tại phiên tòa. Theo quy chế của ngành kiểm sát, KSV phải kiểm sát thời hạn chuẩn bị xét xử, thẩm quyền xét xử, việc giao các quyết định, việc chuyển vụ án... KSV thực hiện việc kiểm sát thành phần Hội đồng xét xử nhằm đảm bảo các yêu cầu của Điều 254 BLTTHS 2015, đặc biệt là trong các vụ án mà bị cáo bị đưa ra xét xử về tội theo khung hình phạt có mức cao nhất là tử hình, bị cáo là người chưa thành niên. Nếu có các căn cứ cho thấy thành phần Hội đồng xét xử không đáp ứng được các quy định của pháp luật về số lượng, thành phần... thì đề nghị hoãn phiên tòa.

- *Thứ hai*, kiểm sát việc thực hiện giới hạn xét xử của Hội đồng xét xử. TA không được xét xử người mà VKS không truy tố; TA không được xét xử hành vi mà VKS không truy tố; TA chỉ được xét xử bị cáo theo tội danh nặng hơn tội danh mà VKS đã truy tố khi có đủ căn cứ và tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo quy định. Đối với trường hợp TA trả hồ sơ để VKS truy tố lại

khi có căn cứ cho rằng bị can hoặc bị cáo phạm tội khác nặng hơn tội danh mà VKS đã truy tố theo quy định tại Khoản 3 Điều 298 của BLTTHS 2015 thì thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22/12/2017 về Quy định việc phối hợp giữa cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện quy định của BLTTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung do Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng ban hành.

- *Thứ ba*, KSVTTPL của Hội đồng xét xử trong quá trình điều khiển phiên tòa. KSV phải kiểm sát việc điều khiển phiên tòa để không xảy ra những vi phạm như không đảm bảo đúng trình tự xét hỏi, công bố lời khai tại CQĐT không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 308 BLTTHS 2015, vi phạm về cách khiến phân tranh luận...

- *Thứ tư*, KSVTTPL sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Hoạt động KSVTTPL sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm đảm bảo cho nội dung xét hỏi, luận tội, bào chữa, bị cáo nói lời sau cùng, nhận định của bản án, việc áp dụng điều luật... tại các văn bản trên phản ánh đầy đủ, chính xác, khách quan, trung thực với diễn biến tại phiên tòa.

- *Thứ năm*, kiểm sát xét xử phúc thẩm. VKS thực hiện hoạt động kiểm sát xét xử trong đó có kiểm sát xét xử phúc thẩm, bao gồm: kiểm sát phạm vi, thời hạn xét xử phúc thẩm, kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn, kiểm sát các căn cứ huỷ án để điều tra lại, để xét xử lại, kiểm sát việc sửa án, giữ nguyên án sơ thẩm...

#### ***1.2.4. Mối quan hệ giữa hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật với hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong vụ án hủy hoại rừng.***

Theo quy định của BLTTHS 2015, VKS có chức năng THQCT và kiểm sát việc TTPL trong TTTHS. Do đó, căn cứ vào các quy định của pháp luật thực định, chúng ta sẽ đi vào phân tích về mối quan hệ giữa hai chức năng trên trong quá trình giải quyết vụ án hủy hoại rừng; từ đó, khái quát về tính chất, đặc điểm của mối quan hệ này theo mô hình luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Trong giai đoạn khởi tố - điều tra vụ án hủy hoại rừng, mối quan hệ giữa hai chức năng của VKS được thể hiện cụ thể ở những nội dung sau:

- Khi vụ án được khởi tố, VKS bắt đầu tiến hành KSVTTPL gồm: kiểm sát việc khởi tố, kiểm sát các hoạt động điều tra của CQĐT... Tuy nhiên, có nhiều trường hợp, khi chưa khởi tố vụ án hủy hoại rừng cũng đã xuất hiện hoạt động kiểm sát; ví dụ hoạt động kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường rừng bị hủy hoại, chặt phá. Tiếp theo, VKS sẽ kiểm sát tính có căn cứ và tính hợp pháp của quyết định khởi tố vụ án hoặc quyết định không khởi tố vụ án; VKS có thể tán thành quyết định của CQĐT hay ra quyết định huỷ bỏ quyết định không khởi tố vụ án của cơ quan này để trực tiếp khởi tố vụ án.

- Sau khi có quyết định khởi tố vụ án hủy hoại rừng làm tiền đề để một loạt các hoạt động điều tra của CQĐT được chính thức thực hiện. Để thực hiện các hoạt động điều tra, CQĐT có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng như các biện pháp ngăn chặn, khám xét, thu giữ, kê biên... VKS sẽ kiểm sát các hoạt động điều tra và cả các hoạt động thực hiện những biện pháp cưỡng chế tố tụng nêu trên. Đồng thời, VKS cũng KSVTTPL của những người tham gia tố tụng trong vụ án đó... Nhờ có các hoạt động kiểm sát này, việc tiến hành một loạt các hoạt động thuộc nhóm quyền THQCT như đề ra yêu cầu điều tra, quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn, phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định của CQĐT, yêu cầu CQĐT truy nã bị can... sẽ đạt được những hiệu quả cần thiết. Ngược lại, các hoạt động THQCT cũng sẽ tác động trở lại, mang tính chất hỗ trợ các hoạt động kiểm sát, góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động kiểm sát. Kiểm sát tốt các hoạt động TTPL trong giai đoạn điều tra cũng là cơ sở cho hoạt động truy tố trong giai đoạn truy tố.

- Trong giai đoạn xét xử các vụ án hủy hoại rừng, VKS kiểm sát việc TTPL trong việc xét xử, THQCT với việc KSV đọc cáo trạng, xét hỏi, trình bày lời luận tội, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, tranh luận với những người tham gia tố tụng tại phiên toà. Để bảo vệ quyết định truy tố, bảo vệ nội dung buộc tội, VKS cần dựa trên các kết quả của hoạt động điều tra của vụ án được tiến hành một

cách có căn cứ và hợp pháp từ các giai đoạn tố tụng trước đó. Nếu VKS thực hiện tốt hoạt động KSVTTPL thì sẽ là tiền đề cho việc thực hiện tốt hoạt động THQCT tại phiên tòa.

Như vậy, chức năng KSVTTPL của VKS nhằm bảo đảm cho các hoạt động tố tụng được hợp pháp, khách quan, đầy đủ, tương hỗ cho chức năng THQCT, cả hai chức năng đều có chung mục đích cao nhất là giải quyết vụ án được chính xác, khách quan và công bằng. Theo đó, việc VKS thực hiện tốt chức năng KSVTTPL không những là điều kiện quan trọng nhằm loại trừ các vi phạm pháp luật có thể xảy ra trong quá trình thực hiện một loạt các hành vi TTTHS của các cơ quan điều tra (như khởi tố và hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, khám xét, thu giữ, kê biên tài sản,...) mà còn là cơ sở đảm bảo cho việc truy tố được khách quan, đúng tội, đúng người và đúng pháp luật. Với vai trò hỗ trợ rất đặc lực cho chức năng THQCT nên chức năng KSVTTPL không thể tách biệt với chức năng THQCT. Có nhiều quan điểm cho rằng KSVTTPL không thể tồn tại với tư cách một chức năng độc lập mà chỉ là một nội dung, một yêu cầu, một nhiệm vụ lớn của VKS và phái sinh từ chức năng THQCT. Theo quan điểm của tác giả, nếu căn cứ vào luật thực định thì KSVTTPL trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự là một chức năng của VKS; tuy nhiên về mặt học thuật thì “chức năng” có thể được hiểu là một phương diện hoạt động cơ bản, một lĩnh vực tồn tại độc lập tương đối với các lĩnh vực khác. Trong khi đó, KSVTTPL trong tố tụng hình sự, như đã phân tích ở phần trên, chưa phải là một phương diện hoạt động cơ bản, một lĩnh vực độc lập. KSVTTPL bao gồm những hoạt động bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động THQCT; hoạt động THQCT chỉ có thể dựa trên các chứng cứ được thu thập hợp pháp và kiểm sát việc TTPL chính là công cụ đảm bảo tính hợp pháp của các hoạt động thu thập chứng cứ và các hoạt động khác liên quan đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, dù không quy định KSVTTPL là một chức năng của VKS nhưng để có thể THQCT, VKSND vẫn phải thực hiện hoạt động KSVTTPL.

## Chương 2

# THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG VỤ ÁN HỦY HOẠI RỪNG THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

### 2.1. Khái quát chung về tỉnh Gia Lai, tình hình tội phạm hủy hoại rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

#### 2.1.1. Khái quát chung về tỉnh Gia Lai

##### 2.1.1.1. Đặc điểm về tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh Gia Lai

Gia Lai thuộc vùng khí hậu cao nguyên nhiệt đới gió mùa, dồi dào về độ ẩm, có lượng mưa lớn, không có bão và sương muối, mùa mưa và mùa khô chia rõ rệt. Trong đó, mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình năm là 22 – 25<sup>0</sup>C. Vùng Đông Trường Sơn từ 1.200 – 1.750 mm, vùng Tây Trường Sơn có lượng mưa trung bình năm từ 2.200 – 2.500 mm. Khí hậu và thổ nhưỡng Gia Lai rất thích hợp cho việc phát triển nhiều loại cây công nghiệp ngắn và dài ngày, chăn nuôi và kinh doanh tổng hợp nông lâm nghiệp đem lại hiệu quả kinh tế cao. Gia Lai có 17 đơn vị hành chính bao gồm: thành phố Pleiku, thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa và 14 huyện, 222 đơn vị hành chính cấp xã, 2.160 thôn làng, tổ dân phố. Dân số hơn 1,3 triệu người, bao gồm 34 dân tộc cùng sinh sống, trong đó có hơn 44% dân số là người đồng bào dân tộc thiểu số (chủ yếu là dân tộc Jrai, chiếm tỷ lệ 29,2% và dân tộc Bahnar, chiếm tỷ lệ 11,9%). Đồng bào các dân tộc thiểu số có thói quen du canh, du cư, bởi đất canh tác ở đây chủ yếu trên địa hình triền đồi, nên khi mưa dễ bị sạt, lở, trôi nhanh, bị bạc màu và nếu chỉ làm trên một rẫy thì năng suất năm thứ hai chỉ bằng một nửa và năm thứ ba chỉ bằng một phần tư năm đầu; phương thức canh tác cơ bản vẫn là “phát, đốt, chọc, tía”, kinh tế còn mang nặng về tự cung, tự cấp. Đất đai và khí hậu của tỉnh Gia Lai rất thích hợp cho việc phát triển nông lâm nghiệp.

Kinh tế của tỉnh duy trì tốc độ tăng trưởng cao, bình quân hàng năm giai đoạn 2011 - 2015 tăng 12,81%; quy mô nền kinh tế năm 2015 gấp 2,54 lần so với

năm 2010. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch hợp lý với điều kiện thực tiễn của tỉnh; đến năm 2015 tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 40,05%, công nghiệp - xây dựng chiếm 26,7% và dịch vụ chiếm 30,19%. GRDP bình quân đầu người đạt 35 triệu đồng/người, gấp 2,37 lần so với năm 2010.

#### *2.1.1.2. Khái quát về vị trí địa lý, tài nguyên rừng của tỉnh Gia Lai*

##### *\*Vị trí địa lý*

Gia Lai là một tỉnh vùng cao nằm ở phía bắc Tây Nguyên trên độ cao trung bình 700 - 800 mét so với mực nước biển. Tỉnh Gia Lai trải dài từ 12°58'20" đến 14°36'30" vĩ bắc, từ 107°27'23" đến 108°54'40" kinh đông; với diện tích tự nhiên là 15.495,7 km<sup>2</sup> (lớn thứ hai cả nước); phía Bắc giáp tỉnh Kon Tum, phía Nam giáp tỉnh Đắk Lắk, phía Tây giáp Campuchia với 90 km đường biên giới quốc gia, phía Đông giáp các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên. Gia Lai có vị trí khá thuận lợi về giao thông với 3 trục quốc lộ: quốc lộ 14 nối Gia Lai với các tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng, Tây Nguyên với Tp.Hồ Chí Minh, Đông Nam Bộ vùng Đồng bằng sông Cửu Long; quốc lộ 19 nối tỉnh với cảng Quy Nhơn và Campuchia; quốc lộ 25 nối Gia Lai với tỉnh Phú Yên và Duyên Hải Miền Trung. Gia Lai nằm ở vị trí trung tâm của khu vực, là cửa ngõ đi ra biển của phần lớn các tỉnh trong khu vực, nằm trong khu vực tam giác phát triển kinh tế Việt Nam, Lào, Campuchia nên đây là điều kiện để Gia Lai cùng các tỉnh bạn đẩy mạnh hợp tác phát triển và phát huy các lợi thế vốn có của mình nhằm tăng năng lực sản xuất và hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, tạo khâu đột phá để thúc đẩy nền kinh tế phát triển đúng hướng, tạo lợi thế cho Gia Lai trở thành vùng kinh tế động lực trong khu vực thúc đẩy các tỉnh khác trong vùng cùng phát triển.

##### *\* Tài nguyên rừng*

Gia Lai có diện tích rừng tự nhiên lớn với tỷ lệ rừng che phủ 46,1%. Rừng tự nhiên của tỉnh chủ yếu là kiểu rừng kín thường xanh, mưa ẩm nhiệt đới; đặc biệt, có vườn quốc gia Kon Ka Kinh và khu bảo tồn Kon Chư Răng có nhiều loại cây quý hiếm như: sao, giáng hương, trắc, kiền kiền, bằng lăng, chò... Trong 871.645 ha đất lâm nghiệp của Gia Lai, diện tích có rừng là 624.023,5 ha với trữ lượng gỗ 75,6

triệu m<sup>3</sup>. So với cả vùng Tây Nguyên, Gia Lai chiếm 28% diện tích lâm nghiệp, 30% diện tích có rừng và 38% trữ lượng gỗ. Sản lượng gỗ khai thác hàng năm cả rừng tự nhiên và rừng trồng từ 160.000 – 180.000 m<sup>3</sup> sẽ đáp ứng nhu cầu về nguyên liệu cho chế biến gỗ, bột giấy với quy mô lớn và chất lượng cao. Ngoài ra, Gia Lai còn có quỹ đất lớn để phục vụ trồng rừng, trồng cây nguyên liệu giấy.

Rừng của tỉnh Gia Lai liên quan mật thiết với những đặc trưng địa lý tự nhiên và quá trình diễn biến tài nguyên rừng, thảm rừng của vùng Tây Nguyên. Nằm trong vùng có điều kiện khí hậu, địa hình, đất đai nhiều thuận lợi nên thảm thực vật ở đây phát triển rất đa dạng và phong phú, bao gồm nhiều loại khác nhau:

- Thảm thực vật rừng: Rừng tự nhiên ở Gia Lai chiếm khoảng 78,3% diện tích đất lâm nghiệp, có nhiều loại cây quý hiếm, gỗ tốt như: sao, giáng hương, gôi, trắc, kiền kiền, bằng lăng, chò sóc... Rừng Gia Lai phát triển chủ yếu trên địa hình núi cao, các khe suối và hạp thủy có nhiều tầng và nhiều loại độ che phủ tốt, tầng thảm mục dày, đất tơi xốp. Loại rừng này có diện tích rất lớn, đây là nguồn tài nguyên quý không chỉ riêng của tỉnh, của vùng Tây Nguyên nói chung mà của cả nước. Rừng non tái sinh và cây bụi phân bố ở khắp các vùng trên địa bàn tỉnh, trên các dạng địa hình và các loại đất khác nhau với thảm thực vật chủ yếu là cây họ đậu, họ đậu, họ xoan, họ dẻ... ngoài ra còn có thảm cỏ tự nhiên, thực vật trồng và nhiều loại cây lương thực khác.

- Động vật rừng: Theo kết quả nghiên cứu của Viện sinh thái tài nguyên sinh vật thì hệ động vật rừng gồm: 375 loài chim thuộc 42 họ, 18 bộ; 107 loài thú thuộc 30 họ, 12 bộ; 94 loài bò sát thuộc 16 họ, 3 bộ; 48 loài lưỡng cư thuộc 6 họ, 2 bộ; 96 loài cá và hàng ngàn loài côn trùng, động vật đất... Đặc biệt có những loài thú quý hiếm như: tê giác, bò tót, hổ beo, gấu ngựa, cầy bay, sóc bay, culi lùn, vượn đen, dơi đốm hoa, các loài chim như hạc cổ trắng, công, trở sao, gà lôi vằn, gà tiên mặt đỏ, các loài bò sát như: tắc kè, thằn lằn giun, trăn hoa...

*Bảng 2.1. Diện tích rừng toàn tỉnh tính đến ngày 31.12.2016  
(Đơn vị tính: hecta)*

TT	Loại rừng	Tổng cộng
1	Tổng diện tích rừng	624,023.5
1.1	Rừng tự nhiên	553,859.68
1.2	Rừng trồng	70,163.56

Nguồn: *Chi cục Kiểm lâm tỉnh Gia Lai*

### **2.1.2. Tình hình tội phạm hủy hoại rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Như Luận văn đã trình bày, Gia Lai là một trong những địa phương có diện tích rừng lớn nhất cả nước, địa hình trải rộng trên nhiều vùng khí hậu, có hệ sinh thái rừng phong phú, đa dạng với nhiều loài động thực vật quý hiếm, đặc biệt là nhiều loài gỗ quý nên Gia Lai luôn phải đối mặt với tình trạng khai thác lâm sản trái phép, hủy hoại và lấn chiếm đất rừng. Hoạt động khai thác, hủy hoại rừng, lấn chiếm đất rừng không chỉ làm giảm độ che phủ rừng mà còn kéo theo nhiều hệ lụy, gây ra hiện tượng biến đổi khí hậu, ô nhiễm nguồn nước, mật độ các đợt lũ lụt, sạt lở đất ngày một tăng lên. Mặc dù nhận được sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và sự cố gắng, nỗ lực của các ngành chức năng trong công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh nhưng sự tác động từ các yếu tố khác nhau khiến cho công tác này đến nay vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Theo thống kê từ năm 2005 đến nay, diện tích rừng Gia Lai giảm gần 135.000 ha, từ năm 2011 đến cuối năm 2016 đã xảy ra hơn 6.800 vụ vi phạm lâm luật; chỉ riêng trong 6 tháng đầu năm 2017, các cơ quan chức năng đã xử lý hình sự 15 vụ vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng. Tình hình tội hủy hoại rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai từ năm 2013 đến nay diễn biến như sau:

+ Năm 2013, Cơ quan chức năng đã khởi tố mới tội “Hủy hoại rừng” với 19 vụ/14 bị can. Nguyên nhân chủ yếu phát sinh tội “Hủy hoại rừng” là do một số người dân đã tự ý phá hủy rừng để làm nương rẫy [39];

+ Năm 2014, Cơ quan chức năng khởi tố mới 22 vụ/25 bị can, về tội “Hủy hoại rừng” (tăng 02 vụ và tăng 04 bị can so với năm 2013). Nguyên nhân chủ yếu



phát sinh tội phạm này là do một số người dân đã tự ý phá hủy rừng để làm nương rẫy [40];

+ Năm 2015, Cơ quan chức năng khởi tố mới 19 vụ/07 bị can, về tội “Hủy hoại rừng” (giảm 03 vụ và 18 bị can so với năm 2014) [40];

+ Năm 2016, tình hình tội phạm trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng vẫn diễn biến phức tạp, số vụ khởi tố mới tội “Hủy hoại rừng”: 26 vụ/24 bị can (tăng 7 vụ và 17 bị can so với năm 2015) [41];

+ Năm 2017, Cơ quan chức năng đã khởi tố mới tội “Hủy hoại rừng” là 15 vụ/22 bị can. Tội phạm trong lĩnh vực vẫn diễn biến phức tạp với tính chất, mức độ, thủ đoạn phạm tội ngày càng nguy hiểm và tinh vi hơn [42];

+ Từ đầu năm 2018 đến ngày 31/5/2018, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 285 vụ việc vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, giảm 60 vụ so với cùng kỳ năm 2017. Lực lượng chức năng tỉnh Gia Lai đã xử lý hành chính 277 vụ, xử lý hình sự 8 vụ; trong đó, cơ quan chức năng đã khởi tố mới tội “Hủy hoại rừng” là: 01 vụ/01 bị can.

Các cơ quan chức năng đã thu giữ trên 1.500 m<sup>3</sup> gỗ các loại từ nhóm I đến nhóm VIII; tổng số tiền nộp ngân sách nhà nước trên 1,5 tỷ đồng [43].

Nhìn chung, công tác quản lý bảo vệ rừng của tỉnh đã từng bước chuyển biến tích cực, tình trạng vi phạm lâm luật có chiều hướng giảm qua từng năm. Tuy nhiên, tình trạng khai thác, vận chuyển, mua bán lâm sản trái phép, hủy hoại, xâm lấn đất rừng vẫn còn xảy ra, chủ yếu để đáp ứng nhu cầu chuồng sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc từ động thực vật rừng, nhất là các loại gỗ quý, hiếm như một sự cố hữu, ăn sâu vào tiềm thức của một bộ phận không nhỏ người dân.

*\* Nguyên nhân của thực trạng trên:*

Một là, Gia Lai là một tỉnh miền núi, đời sống của người dân vùng rừng và ven rừng còn nhiều khó khăn; đặc biệt là các hộ dân đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất, không có công ăn, việc làm ổn định cộng với tập tục du canh du cư, chặt phá rừng làm nương rẫy, sống dựa vào việc khai thác các nguồn lợi từ rừng. Tuy những năm qua, các cấp ủy đảng, chính quyền đã có nhiều chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi, đào

tạo nghề nhưng hiệu quả thấp, không giải quyết triệt để nhu cầu cuộc sống của người dân nên họ tiếp tục phải bám rừng, coi khai thác lâm sản là kế sinh nhai chính nuôi sống gia đình và bản thân. Bên cạnh đó, tình trạng di cư tự do từ các tỉnh miền núi phía Bắc đến Gia Lai sinh sống, lập nghiệp, chặt phá, lấn chiếm đất rừng làm nương rẫy cũng làm cho diện tích đất lâm nghiệp giảm đi nhanh chóng.

Hai là, về góc độ quản lý nhà nước và hiệu quả thực hiện chủ trương giao khoán quản lý, bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư còn thấp. Người nhận giao khoán chưa coi trọng trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng nên không tuân tra kiểm soát thường xuyên, người dân chưa mặn mà với việc giữ rừng vì lợi ích mang lại không gắn với sinh kế của họ nên tình trạng khai thác lâm sản, phá rừng làm nương rẫy tại diện tích rừng giao khoán vẫn xảy ra. Trong quá trình thực thi pháp luật, các cơ quan quản lý chưa phát huy hết vai trò, tinh thần trách nhiệm, chưa coi trọng công tác nắm tình hình, phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm, chủ yếu giải quyết khi có vi phạm xảy ra làm tiêu tốn nhiều thời gian, tiền bạc để khắc phục hậu quả. Tình trạng xâm lấn đất lâm nghiệp xảy ra ở nhiều nơi, trong thời gian dài nhưng không được các cơ quan chức năng phát hiện, ngăn chặn kịp thời dẫn đến việc thu hồi lại diện tích đất này vô cùng khó khăn, phức tạp. Một số nơi vẫn còn tình trạng thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý, thậm chí tiếp tay cho đối tượng vi phạm; lực lượng chuyên trách quản lý, bảo vệ rừng chưa đáp ứng được yêu cầu công tác, nhất là các đơn vị chủ rừng. Bên cạnh đó, với đặc thù là địa hình đồi núi, sông suối chia cắt phức tạp đã gây khó khăn cho việc tuân tra, kiểm soát của các ngành chức năng; sự phối hợp, tác chiến giữa cơ quan quản lý chuyên ngành, các đơn vị chủ rừng và các lực lượng chức năng trong công tác quản lý, bảo vệ rừng thiếu chặt chẽ. Hoạt động tuyên truyền, vận động, phổ biến pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ít được chú trọng, đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền.

Bảng 2.2. Thống kê diện tích rừng của tỉnh Gia Lai bị phá  
giai đoạn 2003 - 2018

(ĐVT: Ha)

Năm	Phá rừng							Phá rừng theo mục đích			
	Tổng cộng	Rừng đặc dụng		Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất		Làm rẫy	Nuôi trồng thủy sản	Trồng cây CN	Khác
		R.tự nhiên	Rừng trồng	R.tự nhiên	Rừng trồng	R.tự nhiên	Rừng trồng				
2013	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2014	76,52	-	-	-	-	-	76,52	-	-	-	76,52
2015	353,22	-	-	-	-	-	353,22	-	-	-	353,22
2016	45,00	-	-	-	-	-	45,00	-	-	-	45,00
2017	18,37	-	-	-	-	-	18,37	14,00	3,00	-	1,37
Tháng 5/2018	0,55	-	-	-	-	-	0,55	-	-	-	0,55

Nguồn: [www.kiemlam.org.vn](http://www.kiemlam.org.vn)

## 2.2. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố vụ án hủy hoại rừng

Theo Điều 143 BLTTHS 2015 thì căn cứ để khởi tố vụ án hủy hoại rừng là khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm. Việc xác định dấu hiệu tội phạm hủy hoại rừng phải dựa trên những cơ sở sau đây: tố giác của công dân; tin báo của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; tin báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; kiến nghị khởi tố của cơ quan nhà nước; cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm và người phạm tội tự thú.

Trong trường hợp nhận được tin báo tố giác về tội phạm thì trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải kiểm tra, xác minh và ra một trong các quyết định theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 BLTTHS 2015: (i) Quyết định khởi tố vụ án hình sự; (ii) Quyết định không khởi tố vụ án hình sự; (iii) Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Đối với các cơ quan là Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển, Kiểm ngư và cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thì việc tiến hành

ra quyết định khởi tố vụ án hình sự phải thuộc các trường hợp được quy định tại Điều 164 BLTTHS 2015; cụ thể: “*Đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quá tang, chứng cứ và lý lịch người phạm tội rõ ràng thì quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, tiến hành điều tra. Đối với tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp thì quyết định khởi tố vụ án hình sự, tiến hành hoạt động điều tra ban đầu*”. VKSND ra quyết định khởi tố vụ án hình sự trong các trường hợp: (i) VKS hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; (ii) VKS trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hoặc (iii) trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm hoặc (iv) theo yêu cầu khởi tố của Hội đồng xét xử nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, VKS phải gửi cơ quan điều tra quyết định khởi tố vụ án hình sự kèm theo các tài liệu có liên quan để cơ quan điều tra tiến hành hoạt động điều tra.

Căn cứ theo những quy định trên; năm 2014, VKSND tỉnh Gia Lai đã thụ lý kiểm sát, giải quyết tổng cộng 27 vụ, việc, 26 bị can; khởi tố mới: 22 vụ, 25 bị can (tiếp nhận qua tin báo của nhân dân, của xã, qua công tác kiểm tra của đơn vị, của Công an huyện); đã đề nghị truy tố vụ án 11 vụ , 22 bị can. Năm 2015, VKSND tỉnh Gia Lai đã thụ lý kiểm sát, giải quyết tổng cộng 31 vụ, việc, 11 bị can; khởi tố mới: 19 vụ, 07 bị can; đã đề nghị truy tố vụ án 08 vụ , 08 bị can. Năm 2016, VKSND tỉnh Gia Lai đã thụ lý kiểm sát, giải quyết tổng cộng 34 vụ, 26 bị can; khởi tố mới: 26 vụ, 24 bị can; đã đề nghị truy tố vụ án 17 vụ , 19 bị can. Năm 2017, VKSND tỉnh Gia Lai đã thụ lý kiểm sát, giải quyết tổng cộng 29 vụ, 33 bị can; khởi tố mới: 15 vụ, 22 bị can; đã đề nghị truy tố vụ án 23 vụ , 33 bị can. Năm 2018, tính đến ngày 31/5/2018, VKSND tỉnh Gia Lai đã thụ lý kiểm sát, giải quyết tổng cộng 01 vụ, 01 bị can; khởi tố mới: 0 vụ, 01 bị can; đã đề nghị truy tố vụ án 01 vụ , 01 bị can.

*\* Khó khăn trong hoạt động kiểm sát việc khởi tố vụ án hủy hoại rừng:*

- Về phương diện kiểm sát tính hợp pháp của việc khởi tố vụ án hủy hoại

rừng, VKS mới chỉ kiểm sát tính hợp pháp của việc khởi tố ở việc kiểm tra quyết định khởi tố đã thể hiện đầy đủ các nội dung về thời gian, căn cứ khởi tố, họ tên chức vụ người ra quyết định... mà chưa đi sâu vào bản chất của kiểm sát tính hợp pháp của quyết định khởi tố là kiểm sát tính hợp pháp của toàn bộ hoạt động kiểm tra, xác minh các dấu hiệu của tội phạm hủy hoại rừng.

- Việc xác định rõ “khoản” của điều luật quy định về tội hủy hoại rừng trong phần riêng BLHS còn khó khăn; nhất là đối với BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Như đã biết, việc xác định rõ “khoản” của điều luật chính là hoạt động phân loại tội phạm, từ đó, phân định thẩm quyền của CQĐT và các cơ quan tiến hành tố tụng khác theo cấp. Nếu không phân loại tội phạm ngay từ đầu sẽ không thể xác định CQĐT cấp nào có thẩm quyền điều tra cũng như VKS cấp nào có thẩm quyền kiểm sát hoạt động điều tra. Việc phân loại tội phạm cũng là cơ sở để xác định một loạt các vấn đề tố tụng khác như thời hạn điều tra, căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn, thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn... Do đó, dù muốn hay không, yêu cầu xác định “khoản” trong quyết định khởi tố vụ án hình sự nói chung và vụ án hủy hoại rừng nói riêng thường gặp không ít khó khăn trong thực tiễn thực hiện.

### **2.3. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn điều tra vụ án hủy hoại rừng**

#### ***2.3.1. Kiểm sát khám nghiệm hiện trường***

Thông thường, hiện trường vụ án hủy hoại rừng là nơi để lại dấu vết, vật chứng có liên quan trực tiếp đến tội phạm hủy hoại rừng. Theo quy định của pháp luật, các cơ quan, tổ chức tham gia hoạt động khám nghiệm hiện trường bao gồm: Cơ quan điều tra của lực lượng An ninh nhân dân; Cơ quan điều tra của lực lượng Cảnh sát nhân dân; Cơ quan điều tra của lực lượng Quân đội nhân dân; VKSND tổ chức tiến hành các cuộc khám nghiệm hiện trường và trực tiếp tiến hành hoạt động khám nghiệm hiện trường. Cơ quan Kiểm lâm tuy không phải là Cơ quan điều tra nhưng được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định tại Điều 164 BLTTHS 2015 và Điều 34 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự 2015 theo sự phân cấp về thụ lý và giải quyết các loại án hình sự (quy định tại các Điều

232, 243, 244, 245, 313 và 345 của BLHS 2015); theo đó, Cơ quan Kiểm lâm được tiến hành khám nghiệm hiện trường đối với vụ án hủy hoại rừng được quy định tại Điều 243 BLHS 2015.

Khi thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động khám nghiệm hiện trường các vụ án hủy hoại rừng thì VKSND Gia Lai phải thực hiện các hoạt động sau:

- Khi kiểm sát hoạt động khám nghiệm hiện trường VKS phải đảm bảo có người chứng kiến (có thể là đại diện chính quyền địa phương, đại diện các tổ chức, đoàn thể đóng trên địa bàn khám nghiệm hoặc người dân ở địa bàn đó hoặc trong trường hợp nhất định có sự chứng kiến của bị can, người bị hại, người làm chứng). Tiếp đó, VKS xem xét CQĐT đã mời Cơ quan Kiểm lâm là cơ quan có kiến thức chuyên môn tham gia việc khám nghiệm hiện trường hay chưa. Ngoài ra, khi tiến hành hoạt động khám nghiệm phải tuân theo đúng ý kiến của người có chuyên môn, Điều tra viên không được áp đặt ý kiến của mình cho nhà chuyên môn tham gia khám nghiệm, nếu có hiện tượng ĐTV áp đặt ý kiến thì KSV phải có yêu cầu chấm dứt ngay.

- Hiện trường trong vụ án Hủy hoại rừng sau khi xảy ra có thể để lại nhiều dấu vết, thậm chí là có cả vật chứng liên quan đến vụ án. Do vậy, KSV được VKSND tỉnh Gia Lai phân công tham gia giám sát phải là những cán bộ có kinh nghiệm và nghiệp vụ giỏi để đề ra những giả thuyết điều tra đúng đắn từ đó định ra hướng khám xét, tìm kiếm dấu vết và vật chứng của vụ án được đầy đủ và chính xác. Tuân thủ theo định hướng đó mới đảm bảo được tính toàn diện trong hoạt động khám nghiệm, mục đích của hoạt động khám nghiệm đặt ra là không bỏ qua bất kỳ dấu vết và vật chứng nào liên quan đến vụ án. Bên cạnh đó, KSV khi tham gia kiểm sát hoạt động khám nghiệm hiện trường các vụ án hủy hoại rừng cũng phải cần quan tâm và chú trọng tính toàn diện của hoạt động khám nghiệm, vì nếu để xảy ra việc khám nghiệm sơ sài, qua loa với mục đích cho xong việc sẽ dẫn đến những khó khăn cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội và sau này nếu có tổ chức khám nghiệm lại thì hiện trường của vụ án qua một thời gian dài do tác động của các yếu tố khách quan và chủ quan (mưa, nắng,

động vật, con người...) có thể bị thay đổi hiện trạng so với ban đầu nên rất khó khăn cho hoạt động khám nghiệm lại. Việc khám nghiệm hiện trường và kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường đều phải tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Chẳng hạn như ĐTV đã mô tả một cách toàn diện các đặc điểm của hiện trường trong biên bản khám nghiệm chưa, cụ thể là tình trạng hiện trường, điều kiện ánh sáng, độ ẩm, tình trạng dấu vết cưa, chặt đối với diện tích rừng bị hủy hoại, phạm vi hiện trường, dấu vết để lại hiện trường, khoảng cách giữa các dấu vết, các vật chứng thu được tại hiện trường... nếu còn thiếu đặc điểm nào thì KSV cần yêu cầu ngay để bổ sung kịp thời hoặc khi thu giữ được các vật chứng tại hiện trường thì cần tiến hành niêm phong bảo quản tuân theo đúng quy định của pháp luật về niêm phong vật chứng.

- VKS tỉnh Gia Lai thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm về công tác kiểm sát điều tra, nhất là kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường trong các vụ án hủy hoại rừng có tính chất phức tạp. Qua kết quả công tác kiểm sát điều tra, VKS hai cấp tỉnh Gia Lai đã tập hợp các vi phạm pháp luật của CQĐT sau đó kiến nghị khắc phục, các kiến nghị của VKS tỉnh Gia Lai đều được CQĐT cùng cấp tiếp thu, khắc phục. Bên cạnh việc chú trọng vào giải quyết các vụ án cụ thể, VKS hai cấp tỉnh Gia Lai đã chú ý đến công tác phòng ngừa tội phạm bằng việc tìm ra những nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội hủy hoại rừng để kiến nghị các cơ quan hữu quan áp dụng biện pháp khắc phục trong quản lý của mình; hoặc tổng hợp những mặt thiếu sót trong quản lý để tham mưu cho cấp ủy và chính quyền địa phương có biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

Bên cạnh những mặt đạt được thì công tác kiểm sát khám nghiệm hiện trường của VKS tỉnh Gia Lai còn có nhiều hạn chế, thiếu sót và gặp nhiều khó khăn, bất cập sau:

- Nhiều buổi khám nghiệm hiện trường không có sự tham dự của KSV. Điều này có thể do lỗi của CQĐT và cả do lỗi của VKS; cụ thể: có trường hợp CQĐT không thông báo cho VKS; còn về phía VKS, do không có đủ nhân sự, nhiều VKS cấp huyện không cử người, hoặc nếu có, lại cử cán bộ kiểm sát không có chức danh

tổ tụng tham gia khám nghiệm. Do không phải án “của mình” nên tâm lý thờ ơ, đại khái trong quá trình kiểm sát khám nghiệm của những cán bộ này là không thể tránh khỏi. Hiện trường các vụ án hủy hoại rừng thường rất rộng và phức tạp nhưng chỉ có một KSV làm công tác kiểm sát trong khi lực lượng tham gia khám nghiệm rất đông nên khó có thể kiểm sát hết được.

- Tình trạng thiếu phương tiện đi lại của các VKS. Do số lượng xe ô tô cấp cho từng đơn vị là có hạn, dẫn tới tình trạng thiếu phương tiện để KSV tới hiện trường. Đối với các vụ án hủy hoại rừng, hiện trường thường cách xa trụ sở của các VKS cấp huyện nên phải di chuyển bằng xe ô tô để kịp thời kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường. Tuy nhiên, nhiều khi do phải đợi phương tiện nên khi KSV tới hiện trường thì CQĐT đã hoàn tất việc khám nghiệm.

- Sự thay đổi liên tục về cách tổ chức công việc của VKS từ “thông khâu” điều tra - xét xử sang “chuyên khâu” (một KSV điều tra và một KSV xét xử) và hiện nay quay lại cơ chế “thông khâu” dẫn đến việc có một số KSV chuyên đảm trách mảng THQCT và kiểm sát xét xử không có kiến thức về điều tra, khám nghiệm lại phải kiểm sát khám nghiệm hiện trường nên chất lượng kiểm sát chưa cao.

- Khám nghiệm hiện trường trong vụ án hủy hoại rừng là hoạt động đòi hỏi kiến thức chuyên môn sâu về lĩnh vực lâm nghiệp và kỹ thuật hình sự. Trong khi đó, đa số Điều tra viên, KSV được phân công thụ lý vụ án lại không được đào tạo chuyên sâu về các lĩnh vực này nên khó có thể tránh khỏi những sai sót trong quá trình khám nghiệm.

### ***2.3.2. Kiểm sát hoạt động hỏi cung, lấy lời khai của những người tham gia tố tụng***

Để hoạt động hỏi cung bị can đáp ứng yêu cầu khách quan, toàn diện và đúng pháp luật thì VKS phải giám sát hoạt động hỏi cung của CQĐT. Căn cứ pháp luật để VKS tỉnh Gia Lai thực hiện KSVTTPL trong việc hỏi cung bị can các vụ án hủy hoại rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai đó là BLTTHS, Điều 15 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và Điều 28 Quy chế tạm thời công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-VKSTC ngày 29/12/2017 của Viện trưởng VKSND tối cao. Khi thực hiện chức năng



kiểm sát hoạt động hỏi cung bị can các vụ án hủy hoại rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, VKS phải bảo đảm các nội dung sau:

- Hỏi cung bị can được tiến hành ngay sau khi có quyết định khởi tố bị can theo Điều 183 BLTTHS 2015. Nếu qua kiểm sát thấy CQĐT tiến hành hỏi cung bị can trước khi có quyết định khởi tố bị can thì đây là vi phạm tố tụng, VKS có yêu cầu CQĐT hủy bỏ kết quả hỏi cung đó vì khi chưa có quyết định khởi tố bị can, thì lời khai chỉ có thể là của người bị bắt hoặc người bị tạm giữ, lời khai đó là một trong các chứng cứ làm căn cứ để khởi tố bị can.

- Trong quá trình nghiên cứu các biên bản hỏi cung bị can, KSV thấy chưa làm rõ được chứng cứ buộc tội cũng như chứng cứ xác định không có tội cũng như các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nếu có của bị can hoặc CQĐT chưa phân hóa được vai trò của từng bị can khi có nhiều đối tượng cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội thì VKS yêu cầu CQĐT hỏi bổ sung bị can để làm rõ các vấn đề nêu trên.

- Bảo đảm các bản cung mà CQĐT tiến hành hỏi bị can phải làm rõ được hành vi phạm tội của bị can đã bị khởi tố, những mâu thuẫn trong lời khai của bị can cần phải được phân tích làm rõ. Trong quá trình KSĐT, nếu KSV phát hiện ĐTV có dấu hiệu mớm cung, bức cung, nhục hình hoặc các hành vi khác thì KSV được phân công kiểm sát điều tra phải chuẩn bị các câu hỏi và tình huống để trực tiếp phúc cung bị can từ đó nhằm kiểm tra lại toàn bộ các lời khai của bị can có phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án đã được thu thập, đánh giá hay không. Nếu các lời khai của bị can không thống nhất hoặc giữa lời khai của các bị can có nhiều mâu thuẫn thì yêu cầu CQĐT cho đối chất hoặc thực nghiệm điều tra.

- Trong quá trình điều tra vụ án, hoạt động hỏi cung bị can phải được đảm bảo do ĐTV được phân công điều tra vụ án thực hiện. Các bản cung bị can nếu do cán bộ điều tra không trực tiếp được phân công điều tra vụ án hỏi thì sau đó phải được ĐTV điều tra vụ án đó kiểm tra lại bằng một bản cung khác làm cơ sở để coi là chứng cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

- Trong những vụ án hủy hoại rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai mà người phạm tội là người chưa thành niên thì VKS phải kiểm sát bảo đảm việc tiến hành hoạt động hỏi cung bị can phải có mặt người giám hộ tham gia nhằm bảo vệ quyền lợi

hợp pháp cho người chưa thành niên phạm tội.

Những khó khăn, hạn chế trong công tác kiểm sát hoạt động hỏi cung, lấy lời khai của những người tham gia tố tụng trong vụ án hủy hoại rừng:

Một là, theo quy định của pháp luật, trong giai đoạn điều tra, KSV trực tiếp hỏi cung bị can trong các trường hợp sau: (i) Bị can kêu oan; (ii) Bị can khiếu nại hoạt động điều tra; (iii) Có căn cứ xác định việc điều tra vi phạm pháp luật; (iii) Khi có đề nghị của Cơ quan có thẩm quyền điều tra; tài liệu, chứng cứ mâu thuẫn hoặc chưa rõ; lời khai của bị can trước sau không thống nhất, lúc nhận tội, lúc chối tội; có căn cứ đề nghị ngờ về tính xác thực trong lời khai của bị can hoặc trường hợp bị can bị khởi tố về tội đặc biệt nghiêm trọng và các trường hợp khác khi xét thấy cần thiết [44, Khoản 4 Điều 28]. Tuy nhiên, trên thực tế, hoạt động trực tiếp hỏi cung bị can của VKS rất ít khi được thực hiện, chỉ có 12/100 vụ án hủy hoại rừng được KSV và cán bộ kiểm sát hỏi cung trực tiếp bị can đối với những vụ án được coi là phức tạp, bị can không nhận tội hoặc có mâu thuẫn giữa các bản cung. Do đó, đôi lúc có một số trường hợp VKS khó xác định bị can nhận tội như thế nào, do tự nguyện hay do bị dụ dỗ, bị đe dọa, dùng nhục hình.

Hai là, một số quy định pháp luật còn chưa thật triệt để, ý thức pháp luật chưa tốt của một bộ phận ĐTV, KSV và sự lạc hậu trong việc sử dụng các trang thiết bị hỗ trợ, giám sát hỏi cung đã làm cho hoạt động kiểm sát hỏi cung bị can trong nhiều trường hợp còn chưa đạt được các mục đích đề ra.

### ***2.3.3. Kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn***

Các biện pháp ngăn chặn trong TTHS gồm có: giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh. Qua thời gian thi hành BLTTHS cho thấy việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đã phát huy tác dụng trong công tác đấu tranh phòng ngừa đối với tội phạm hủy hoại rừng; tuy nhiên trong thực tiễn vẫn còn để xảy ra những trường hợp bắt, giam, giữ oan, sai. Để hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng oan, sai trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam, VKS tỉnh Gia Lai đã thực hiện tốt vai trò quyết định trong việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn theo quy định của BLTTHS trong giai đoạn điều tra nên việc bắt, giam, giữ, gia hạn tạm giữ, tạm

giám bị can các vụ án hủy hoại rừng đã được VKS xem xét, phê chuẩn đối với từng trường hợp, bảo đảm việc bắt, giữ, giam người có căn cứ, đúng pháp luật, góp phần phục vụ tốt công tác điều tra, khám phá các vụ án hình sự và bảo vệ quyền tự do, dân chủ của công dân. VKS hai cấp tỉnh Gia Lai đã kiểm sát chặt chẽ trình tự, thủ tục, căn cứ pháp luật trong việc phê chuẩn lệnh, quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam của các cơ quan chức năng, bảo đảm có căn cứ, đúng pháp luật. Từ năm 2013 đến năm 2018, VKS hai cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã thực hành quyền công tố, kiểm sát việc bắt, tạm giữ về hình sự đối với các vụ án hủy hoại rừng trên địa bàn Tỉnh 134 người, đã khởi tố xử lý về hình sự 101 người/103 người đã giải quyết; đạt tỷ lệ 98,05% (vượt 3,05% chỉ tiêu  $\geq 95\%$ ). Kiểm sát tạm giam 214 bị can, đã giải quyết 202 bị can. VKS tỉnh Gia Lai bảo đảm việc phê chuẩn, không phê chuẩn việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ đúng quy định của pháp luật; hủy bỏ quyết định tạm giữ 05 trường hợp; yêu cầu CQĐT bắt tạm giam 03 trường hợp; không phê chuẩn lệnh bắt tạm giam 08 bị can; hủy bỏ biện pháp tạm giam 04 bị can; yêu cầu CQĐT truy nã 02 bị can (CQĐT đã truy nã theo yêu cầu của VKS). Công tác kiểm sát đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng việc bắt, tạm giữ, tạm giam của cơ quan chức năng; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Để có được những kết quả trên, VKS hai cấp tỉnh Gia Lai đã triển khai thực hiện các nội dung sau đây:

*\* Kiểm sát hoạt động bắt người*

Bắt người là biện pháp cưỡng chế về TTHS được áp dụng đối với bị can, bị cáo, người phạm tội quả tang và người cần phải bắt trong trường hợp khẩn cấp khi có đủ căn cứ do pháp luật TTHS quy định. Biện pháp này hạn chế quyền bất khả xâm phạm về thân thể của con người, được quy định tại các Điều 110, 111, 112, 113 BLTTHS 2015 như: bắt bị can, bị cáo để tạm giam; bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang, bắt người đang bị truy nã, bắt người bị yêu cầu dẫn độ. Do đó, để kiểm sát hoạt động bắt người VKS hai cấp tỉnh Gia Lai đã tuân thủ và bám sát các nội dung sau:

*Thứ nhất*, chỉ bắt bị can để tạm giam khi xác định có tội phạm hủy hoại

rừng đã xảy ra trên thực tế và xác định rõ đối tượng đã thực hiện hành vi phạm tội. Trên cơ sở trên, CQĐT quyết định khởi tố vụ án hình sự và quyết định khởi tố bị can đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội và xét thấy có đủ căn cứ để áp dụng biện pháp bắt bị can để tạm giam thì CQĐT ra lệnh bắt bị can để tạm giam và chuyển lệnh đó cùng các tài liệu liên quan đến việc phê chuẩn cho VKS cùng cấp để xét phê chuẩn trước khi thi hành. Nhận được hồ sơ từ CQĐT, VKS phải kiểm sát chặt chẽ tính có căn cứ, tính hợp pháp trong việc áp dụng biện pháp bắt này. Bên cạnh đó, khi thực hiện chức năng kiểm sát việc áp dụng biện pháp bắt bị can để tạm giam, VKS sử dụng phương pháp gián tiếp là nghiên cứu hồ sơ tài liệu mà CQĐT chuyển đến để xét phê chuẩn; nếu xét thấy việc áp dụng của CQĐT là có căn cứ thì VKS ra quyết định phê chuẩn lệnh bắt bị can để tạm giam của CQĐT và lệnh này sẽ có hiệu lực thi hành; ngược lại, nếu xét thấy không có căn cứ áp dụng thì VKS ra quyết định không phê chuẩn lệnh bắt của CQĐT và đương nhiên lệnh đó không có hiệu lực thi hành. Căn cứ quy định của Điều 109 BLTTHS là cơ sở pháp lý pháp lý để VKS áp dụng biện pháp bắt bị can để tạm giam nhằm: “Để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ người bị buộc tội sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội”. Đối với tính hợp pháp, VKS phải tiến hành kiểm sát chặt chẽ về thẩm quyền áp dụng, đối tượng bị áp dụng, thời hạn áp dụng; do đó, khi CQĐT áp dụng biện pháp bắt bị can để tạm giam thì chỉ những người có thẩm quyền được quy định mới có quyền quyết định áp dụng, nếu VKS xét thấy người không có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp bắt bị can để tạm giam thì VKS quyết định không phê chuẩn lệnh bắt.

*Thứ hai*, trong TTHS cho phép CQĐT có quyền thực hiện việc bắt khẩn cấp mà không phải có sự phê chuẩn trước của VKS cùng cấp khi thi hành lệnh bắt. Tuy nhiên, việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp khi áp dụng đòi hỏi cần có sự giám sát chặt chẽ từ đó nhằm bảo đảm việc áp dụng đúng quy định của pháp luật. Do đó, sau khi thực hiện bắt khẩn cấp, CQĐT tỉnh Gia Lai phải thông báo bằng văn bản cho VKS cùng cấp để kiểm sát và xét phê chuẩn trong thời hạn 12 giờ theo đúng quy định tại Khoản 4 Điều 110 BLTTHS 2015. Khi thực hiện chức năng kiểm sát

việc áp dụng biện pháp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, VKS tỉnh Gia Lai cũng phải bảo đảm hai nội dung là tính có căn cứ và tính hợp pháp của việc áp dụng. Khi thực hiện chức năng kiểm sát việc áp dụng biện pháp bắt người trong trường hợp khẩn cấp của CQĐT thì yêu cầu đặt ra cho VKS là xem xét việc áp dụng đó có đảm bảo các căn cứ được quy định tại Khoản 1 Điều 110 BLTTHS 2015 hay không; nếu việc áp dụng có căn cứ đúng pháp luật thì VKS quyết định phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp để công nhận về mặt pháp lý kết quả của hoạt động bắt khẩn cấp mà CQĐT đã tiến hành và trên cơ sở đó để CQĐT áp dụng biện pháp cưỡng chế về tổ tụng hình sự tiếp theo; ngược lại, nếu việc áp dụng không có căn cứ pháp luật, VKS ra quyết định không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp của CQĐT dẫn tới hậu quả hủy bỏ về mặt pháp lý kết quả của việc bắt khẩn cấp, CQĐT phải trả tự do ngay cho người bị bắt. Tính hợp pháp của việc áp dụng biện pháp bắt người trong trường hợp khẩn cấp được xem xét trên cơ sở người có thẩm quyền ra lệnh bắt, trình tự, thủ tục áp dụng được quy định tại BLTTHS 2015.

*\* Kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giữ*

Biện pháp tạm giữ là biện pháp ngăn chặn nhằm cách ly khỏi xã hội đối với người bị bắt trong một thời hạn do luật định; do vậy trách nhiệm của VKS hai cấp tỉnh Gia Lai là phải bảo đảm không được để xảy ra việc áp dụng biện pháp tạm giữ oan, sai. Sau khi nhận được quyết định tạm giữ của cơ quan có thẩm quyền chuyển đến theo quy định tại Khoản 4 Điều 117 BLTTHS, VKS phải kiểm tra tính căn cứ của việc ra quyết định tạm giữ, nếu xét thấy việc tạm giữ không có căn cứ hoặc không cần thiết thì VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ và yêu cầu cơ quan ra quyết định tạm giữ trả tự do ngay cho người bị tạm giữ. Trong trường hợp việc áp dụng biện pháp tạm giữ của CQĐT là cần thiết cho hoạt động điều tra ban đầu thì VKS cũng phải kiểm sát chặt chẽ thời hạn tạm giữ, nếu hết thời hạn tạm giữ mà CQĐT không có cơ sở để chứng minh được người bị tạm giữ đã thực hiện hành vi phạm tội thì VKS phải yêu cầu CQĐT trả tự do ngay cho người bị tạm giữ. Phương pháp kiểm sát việc tạm giữ, chủ yếu mà VKS hai cấp tỉnh Gia Lai sử dụng phương pháp gián tiếp thông qua việc nghiên cứu hồ sơ tài liệu của CQĐT tỉnh.

Theo quy định, trong một số trường hợp KSV có thể gặp, hỏi trực tiếp người bị tạm giữ qua đó đề xuất việc áp dụng biện pháp tạm giữ của CQĐT là đúng quy định.

*\* Kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giam*

Tạm giam là biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất trong các biện pháp ngăn chặn, chỉ áp dụng đối với người đã bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố bị can nhưng không phải tất cả trường hợp bị khởi tố thì bị can đều bị áp dụng biện pháp tạm giam, mà việc áp dụng biện pháp tạm giam phải có căn cứ theo quy định của BLTTHS. Trong giai đoạn điều tra, việc áp dụng biện pháp tạm giam của CQĐT đều chịu sự kiểm sát chặt chẽ của VKS thông qua quyền phê chuẩn của VKS: “Lệnh tạm giam của những người được quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều 113 BLTTHS này phải được VKS cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành” [17, Khoản 5 Điều 119]. Trong quá trình kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giam được thực hiện chủ yếu thông qua phương pháp gián tiếp bằng việc nghiên cứu hồ sơ, tài liệu liên quan về việc đề nghị VKS áp dụng biện pháp tạm giam mà CQĐT chuyển qua. Trong thời hạn nhất định VKS phải quyết định phê chuẩn hay không phê chuẩn quyết định tạm giam của CQĐT: “...trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được lệnh tạm giam, đề nghị xét phê chuẩn và hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc tạm giam, VKS phải ra quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn” [17, Khoản 5 Điều 119]. Nội dung chủ yếu mà VKS hai cấp tỉnh Gia Lai hướng tới khi thực hiện chức năng kiểm sát việc áp dụng biện pháp tạm giam là kiểm tra tính có căn cứ. Trên cơ sở pháp lý được quy định tại Điều 119 BLTTHS 2015, trường hợp đối với người chưa thành niên phạm tội việc quyết định áp dụng biện pháp tạm giam còn phải đảm bảo quy định tại Điều 419 BLTTHS 2015. Qua hoạt động kiểm sát, VKS xét thấy việc áp dụng biện pháp tạm giam của CQĐT là có căn cứ theo luật định thì ra quyết định phê chuẩn lệnh tạm giam của CQĐT, ngược lại xét thấy việc tạm giam là không có căn cứ và không cần thiết thì VKS kiên quyết không phê chuẩn lệnh tạm giam để tránh trường hợp lạm dụng trong việc áp dụng biện pháp tạm giam của CQĐT. Ngoài quy định về căn cứ được áp dụng biện pháp tạm giam, Khoản 4 Điều 119 BLTTHS 2015 còn quy định các căn cứ không được áp dụng tạm giam; trong đó có

quy định: “Đối với bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặc đang thời kỳ nuôi con dưới 36 tháng tuổi, là người già yếu, người bị bệnh nặng mà có nơi cư trú và lý lịch rõ ràng thì không tạm giam mà áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác... trừ trường hợp đặc biệt theo quy định tại Khoản 4 Điều 119 BLTTHS 2015” thể hiện nguyên tắc nhân đạo của pháp luật TTHS Việt Nam, nhằm tạo điều kiện để chăm sóc về mặt sức khỏe cũng như về mặt tinh thần cho những đối tượng là phụ nữ có thai, người già yếu.

Nhìn chung, VKS tỉnh Gia Lai đã kiểm sát chặt chẽ việc áp dụng biện pháp tạm giam của CQĐT tỉnh, hạn chế đáng kể tình trạng tạm giam không có căn cứ vi phạm pháp luật của CQĐT, tránh trường hợp bị can bị tạm giam sau đó phải đình chỉ điều tra vì không phạm tội hoặc TA xét xử tuyên không phạm tội. Bên cạnh kiểm tra tính có căn cứ của việc áp dụng biện pháp tạm giam, VKS tỉnh còn chú ý kiểm sát việc gia hạn tạm giam bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án hủy hoại rừng để đảm bảo việc tạm giam phải đúng thời hạn theo quy định tại Điều 173 BLTTHS 2015; trong trường hợp phải gia hạn tạm giam thì VKS tỉnh xem xét quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn theo trình tự, thủ tục và thẩm quyền do BLTTHS quy định.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động kiểm sát việc áp dụng, thay thế, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn đối với các vụ án hủy hoại rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai cũng gặp một số hạn chế, bất cập như: năng lực trình độ và ý thức trách nhiệm của một số ít cán bộ, KSV chưa còn đáp ứng yêu cầu; trong một số vụ án hủy hoại rừng, VKS chưa thực hiện được hoạt động kiểm sát điều tra vụ án ngay từ khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can nên chưa nắm được rõ các tình tiết, cũng như tính phức tạp của vụ án để khi CQĐT có đề nghị xem xét phê chuẩn áp dụng biện pháp ngăn chặn thì VKS chưa nắm được hết nội dung vụ án và các vấn đề liên quan đến việc áp dụng biện pháp ngăn chặn như nhân thân, độ tuổi... của người phạm tội dẫn tới hoạt động kiểm sát việc áp dụng biện pháp ngăn chặn có việc còn thiếu chính xác, chưa có căn cứ rõ ràng khi CQĐT áp dụng biện pháp ngăn chặn.

#### ***2.3.4. Kiểm sát việc đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra***

##### ***\* Kiểm sát việc tạm đình chỉ điều tra***

VKS hai cấp tỉnh Gia Lai đã kiểm sát việc tạm đình chỉ điều tra của CQĐT để bảo đảm các trường hợp tạm đình chỉ điều tra thực hiện theo đúng quy định tại Điều 229 BLTTHS 2015. Lãnh đạo VKS hai cấp tỉnh Gia Lai phân công KSV thường xuyên theo dõi, quản lý các vụ án đã tạm đình chỉ; khi thấy lý do tạm đình chỉ không còn thì KSV được phân công thụ lý giải quyết vụ án phải báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng hoặc KSV được Viện trưởng uỷ quyền ra văn bản yêu cầu CQĐT phục hồi điều tra vụ án để tiến hành điều tra.

##### ***\* Kiểm sát việc đình chỉ điều tra***

Theo quy định tại Điều 230 BLTTHS 2015 thì ở giai đoạn điều tra, CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án hủy hoại rừng. Qua hoạt động kiểm sát, VKS đã phát hiện đã phát hiện, giải quyết một số trường hợp đình chỉ điều tra không có căn cứ hay tình trạng có căn cứ để đình chỉ điều tra mà CQĐT không tiến hành đình chỉ gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị can và những người có liên quan, hoặc đình chỉ điều tra không đúng thẩm quyền nên vi phạm thủ tục tố tụng dẫn đến quyết định đình chỉ điều tra sẽ không có hiệu lực pháp luật. Đối với những trường hợp này, VKS tỉnh Gia Lai đã hủy bỏ hoặc yêu cầu CQĐT hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra không có căn cứ và yêu cầu CQĐT phục hồi điều tra hoặc yêu cầu CQĐT đình chỉ điều tra khi có căn cứ ra quyết định đình chỉ điều tra.

#### **2.4. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn xét xử vụ án hủy hoại rừng**

##### ***2.4.1. Kiểm sát hoạt động chuẩn bị xét xử, thành phần và sự có mặt của những người tiến hành và tham gia tố tụng tại phiên tòa***

Chuẩn bị xét xử là chuẩn bị những điều kiện cần thiết để đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật nhằm nâng cao chất lượng xét xử, giúp giải quyết vụ án được nhanh chóng, chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, TA, VKS và những người tiến hành tố tụng phải tiến hành các hoạt động nhất định tùy theo chức năng tố tụng của mình.



Căn cứ vào Điều 17 Quy chế Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-VKSTC ngày 18/12/2017 của Viện trưởng VKSND tối cao: “KSV phải KSVTTPL của TA về các nội dung sau: thẩm quyền xét xử; thời hạn chuẩn bị xét xử; việc ra quyết định, giao, gửi quyết định; việc giải quyết yêu cầu, đề nghị trước khi mở phiên tòa; việc triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa; việc xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ, tiếp nhận chứng cứ, tài liệu, đồ vật và các việc khác theo quy định của BLTTHS; KSV phải kiểm sát chặt chẽ việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, biện pháp bảo vệ của TA; phối hợp chặt chẽ với bộ phận, phòng kiểm sát tạm giữ, tạm giam, yêu cầu TA gửi đầy đủ các quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế. Khi phát hiện có vi phạm pháp luật thì báo cáo lãnh đạo VKS kiến nghị, yêu cầu TA khắc phục hoặc kháng nghị theo quy định của BLTTHS” thì KSV phải kiểm sát về thẩm quyền xét xử; thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, kiểm sát việc giao, gửi các quyết định cho VKS và những người có liên quan theo quy định tại Điều 286 BLTTHS 2015; việc giải quyết yêu cầu, đề nghị trước khi mở phiên tòa; việc triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa; việc xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ, tiếp nhận chứng cứ, tài liệu, đồ vật và các việc khác theo quy định của BLTTHS. Đặc biệt, KSV phải kiểm sát việc ra các quyết định của TA trong thời hạn chuẩn bị xét xử, phải kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp của các quyết định, đảm bảo sự tuân thủ pháp luật trong việc ban hành các quyết định tố tụng của TA. Đối với trường hợp TA quyết định đưa vụ án ra xét xử, KSV tiến hành kiểm sát tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định đưa vụ án ra xét xử bởi quyết định đưa vụ án ra xét xử là một văn bản pháp lý có ý nghĩa quan trọng khẳng định việc giải quyết vụ án được tiến hành bằng thủ tục xét xử chặt chẽ đúng quy định của pháp luật TTHS; đảm bảo quyền tham gia bào chữa của bị cáo, đảm bảo quyền chuẩn bị xét xử của những người tham gia tố tụng đối với các vấn đề có liên quan đến họ. Nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử phải có đầy đủ 10 nội dung theo quy định tại Điều 255 BLTTHS 2015; trong đó chú ý đến: thành phần HĐXX; danh sách những người

tham gia tố tụng được triệu tập đến phiên tòa; sự tham gia phiên tòa của người giám hộ cho người chưa thành niên, luật sư, người bào chữa trong các vụ án theo quy định của điểm a, điểm b Khoản 1 Điều 76 BLTTHS 2015; sự tham gia của những người mà lời khai của họ có giá trị chứng minh tại phiên tòa như nhân chứng, bị hại... theo quy định tại Điều 287 BLTTHS 2015 nếu những người đó vắng mặt thì sẽ gây khó khăn cho việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Trong quá trình kiểm sát quyết định đưa vụ án ra xét xử nếu thấy nội dung chưa đầy đủ hoặc chưa đúng thì phải kiến nghị ngay với TA để bổ sung theo quy định của BLTTHS. KSV phải kiểm sát việc giao quyết định này cho VKS, bị cáo, người đại diện hợp pháp của họ và người bào chữa chậm nhất là 10 ngày trước khi mở phiên tòa và sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử phải kiểm sát thời hạn mở phiên tòa theo quyết định tại Khoản 1 Điều 277 BLTTHS 2015.

Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung là một biện pháp tố tụng do TA áp dụng nhằm khắc phục những thiếu sót về thủ tục tố tụng cũng như những chứng cứ quan trọng trong việc chứng minh tội phạm, đảm bảo việc truy tố, xét xử đúng người, đúng tội. Do đó, khi kiểm sát quyết định trả hồ sơ của TA, KSV phải kiểm tra về thẩm quyền, thời hạn và các căn cứ trả hồ sơ theo quy định tại Điều 280 BLTTHS 2015. Ngoài ra, VKS tỉnh Gia Lai cũng tiến hành xác định tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án sau khi nhận được các quyết định này. Đối với quyết định tạm đình chỉ vụ án, KSV phải kiểm sát: (i) thẩm quyền của người ra các quyết định; (ii) căn cứ để tạm đình chỉ phải đúng theo quy định của điểm b, điểm c Khoản 1 Điều 229 BLTTHS 2015; (iii) trước khi tạm đình chỉ, TA phải yêu cầu CQĐT ra quyết định truy nã bị cáo khi không biết rõ bị can, bị cáo đang ở đâu mà đã hết thời hạn chuẩn bị xét xử. Đối với quyết định đình chỉ vụ án, KSV phải kiểm sát các căn cứ mà TA đình chỉ vụ án (Điều 282 BLTTHS 2015). TA chỉ được đình chỉ vụ án khi có một trong các căn cứ sau: (i) có một trong các căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 155 hoặc các điểm 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 157 của BLTTHS 2015; (ii) VKS rút toàn bộ quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa. Đối với vụ án có nhiều bị can, bị cáo trong quá trình kiểm sát xét thấy có căn cứ để đình

chỉ vụ án không liên quan đến tất cả bị can, bị cáo thì đình chỉ vụ án đối với từng bị can, bị cáo đó. Nếu phát hiện thấy việc tạm đình chỉ, đình chỉ không đúng theo quy định của pháp luật, KSV phải báo cáo lãnh đạo Viện để xem xét, quyết định việc kháng nghị. Để kiểm sát việc TA giao các quyết định trên thì KSV sau khi nhận được các quyết định trên yêu cầu TA gửi cho những người khác theo quy định, thông qua hoạt động kiểm sát phần thủ tục tại phiên tòa hoặc khiếu nại của người bào chữa, bị can, bị cáo để phát hiện các vi phạm của Thẩm phán, Thư ký trong việc giao các quyết định để có kiến nghị kịp thời với Chánh án.

Bên cạnh việc kiểm sát quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định trả điều tra bổ sung, quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án, KSV cũng cần phải kiểm sát tính có căn cứ và hợp pháp, cũng như thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn, kiểm sát tính có căn cứ và tính hợp pháp của việc hủy bỏ, thay đổi biện pháp ngăn chặn của TA. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với bộ phận, phòng kiểm sát tạm giữ, tạm giam, yêu cầu TA gửi đầy đủ các quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế để phát hiện kịp thời vi phạm của TA để báo cáo lãnh đạo VKS tỉnh Gia Lai có biện pháp khắc phục. Qua kiểm sát cho thấy quá trình chuẩn bị xét xử các vụ án hủy hoại rừng thường phát sinh một số vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như: TA kéo dài thời hạn ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, vi phạm thời hạn giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho VKS. Sau khi phát hiện những sai sót, vi phạm này thì KSV đã trực tiếp yêu cầu hoặc báo cáo lãnh đạo VKS tỉnh yêu cầu, kiến nghị TA tỉnh Gia Lai bằng các bản kiến nghị giúp TA tỉnh nhận thức một cách đầy đủ hơn về những sai sót, vi phạm trong thực tiễn xét xử.

#### ***2.4.2. Kiểm sát việc thực hiện giới hạn xét xử của Hội đồng xét xử***

Tại phiên tòa sơ thẩm các vụ án hủy hoại rừng, KSV phải kiểm sát chặt chẽ việc TA tuân thủ giới hạn xét xử để không xảy ra tình trạng vượt quá giới hạn này. Cụ thể: TA không được xét xử người mà VKS không truy tố, TA không được xét xử hành vi mà VKS không truy tố, TA cũng không xét xử bị cáo theo tội danh nặng hơn tội danh mà VKS đã truy tố; trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 298

BLTTHS 2015 nhằm bảo đảm cho bị cáo thực hiện đầy đủ quyền bào chữa của mình. Thực tế kiểm sát việc thực hiện giới hạn xét xử của HĐXX, VKS hai cấp tỉnh Gia Lai đã thực hiện rất tốt hoạt động kiểm sát này nên hầu như không có hiện tượng vi phạm giới hạn xét xử quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 298 BLTTHS 2015. Đặc biệt, trong các vụ án hủy hoại rừng trên địa bàn tỉnh đã không xảy ra trường hợp nào Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi có căn cứ cho rằng bị can hoặc bị cáo phạm tội khác nặng hơn tội danh mà VKS đã truy tố.

#### ***2.4.3. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử trong quá trình điều khiển phiên tòa***

Tại phiên tòa sơ thẩm, ngoài nhiệm vụ bảo vệ cáo trạng và quan điểm truy tố của VKS, KSV còn có nhiệm vụ và quyền hạn kiểm sát hoạt động xét xử của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng nhằm bảo đảm cho hoạt động xét xử công minh đúng người, đúng tội, đúng pháp luật của Tòa án; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng trong quá trình xét xử. Để KSVTTPL của Hội đồng xét xử trong quá trình điều khiển phiên tòa, VKS hai cấp tỉnh Gia Lai đã tiến hành các hoạt động sau đây:

- Nếu phát hiện thành viên của HĐXX không đúng hoặc có một trong những trường hợp phải hoãn phiên tòa thì KSV đề nghị HĐXX thay đổi thành viên hoặc đề nghị hoãn phiên tòa. Trường hợp HĐXX đúng như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị yêu cầu thay đổi thành viên của HĐXX, thay đổi Thư ký Tòa án, thay đổi người phiên dịch, giám định viên thì KSV phải xem xét; nếu yêu cầu, đề nghị đó có căn cứ thì KSV phải đề nghị HĐXX thay đổi và phải hoãn phiên tòa. KSV phải xem xét lý do đưa ra đề nghị thay đổi trên cơ sở so sánh với các căn cứ về điều kiện phải từ chối hoặc phải thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án... được quy định tại các điều: 21, 49, 52, 53, 54, 68, 70 của BLTTHS 2015.

- Trước khi chuyển sang giai đoạn thẩm vấn, KSV phải kiểm sát việc HĐXX bảo đảm quyền yêu cầu triệu tập thêm nhân chứng hoặc quyền đưa thêm vật chứng và tài liệu liên quan tới vụ án ra xem xét tại phiên tòa của những người tham gia tố tụng theo quy định tại các điều: 303, 304, 305 BLTTHS 2015 và kiểm sát việc bảo

đảm thực hiện các quyền đó của họ.

- Đến thủ tục xét hỏi, KSV theo dõi và kiểm sát chặt chẽ thủ tục này và việc bảo đảm các quyền được hỏi, quyền yêu cầu của những người tham gia phiên tòa. Trong trường hợp HĐXX có vi phạm pháp luật như: thực hiện không đúng các thủ tục xét hỏi bị cáo, nhân chứng hoặc công bố lời khai trước khi người được xét hỏi khai tại phiên tòa hoặc HĐXX không bảo đảm các quyền yêu cầu, quyền được hỏi của những người tham gia phiên tòa thì KSV yêu cầu HĐXX chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng nêu trên nhằm bảo đảm việc xét xử của HĐXX được toàn diện, đầy đủ, khách quan.

Trên thực tế, hoạt động kiểm sát xét xử có hạn chế sau: Theo quy định thì KSV có quyền kiểm sát hoạt động xét xử, phát hiện các vi phạm tố tụng tại phiên tòa cũng như quyền yêu cầu HĐXX chấm dứt hoặc khắc phục các vi phạm đó theo quy định của BLTTHS nhưng nếu HĐXX không thực hiện các yêu cầu của KSV thì KSV vẫn phải chấp nhận. Bởi vì theo quy định thì KSV cũng chỉ là một thành phần tham gia phiên tòa và chịu sự điều khiển chung của HĐXX tại phiên tòa. Ví dụ trong trường hợp HĐXX cắt ngang, không cho KSV tiếp tục việc xét hỏi vì “các nội dung Viện kiểm sát định hỏi đã được Hội đồng xét xử làm rõ” trong khi thực tế không phải như vậy nhưng nếu KSV cố tình không chấp nhận việc cắt ngang của HĐXX thì chính KSV sẽ trở thành người vi phạm pháp luật; từ đó, dẫn đến trường hợp một số KSV trở nên thụ động trước các vi phạm phát sinh tại phiên tòa.

#### ***2.4.4. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm***

Để làm tốt nhiệm vụ THQCT và kiểm sát xét xử ở phiên tòa sơ thẩm, KSV phải thực hiện nhiều giai đoạn khác nhau: trước khi phiên tòa sơ thẩm được mở, khi vụ án được xét xử tại tòa án và cả sau khi đã được Hội đồng xét xử tuyên án, kết thúc việc xét xử sơ thẩm để đảm bảo các hoạt động của TA sau phiên tòa được thực hiện đúng pháp luật.

Sau phiên tòa sơ thẩm thì đối tượng kiểm sát của VKS là các bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật và hoạt động chấp hành pháp luật của Tòa án sau phiên tòa sơ thẩm. Sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, hoạt động của KSV

vẫn phải được tiếp tục vì VKS có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm các bản án, quyết định của Tòa án theo quy định của pháp luật TTHS; việc KSTTPL thông qua kiểm tra biên bản phiên tòa, kiểm sát các bản án, quyết định của Tòa án theo quy định của pháp luật, qua đó yêu cầu TA cùng cấp và cấp dưới chuyển hồ sơ những vụ án để xem xét, quyết định việc kháng nghị. VKS tỉnh Gia Lai đã căn cứ Điều 30 Quy chế Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự: “KSV được phân công THQCT, kiểm sát xét xử vụ án phải kiểm sát chặt chẽ việc giao bản án, quyết định của Tòa án và việc gửi hồ sơ vụ án có kháng cáo, kháng nghị theo đúng quy định của BLTTHS nhằm phát hiện những sai sót và vi phạm của Tòa án trong việc ra bản án, quyết định, kịp thời báo cáo lãnh đạo VKS ban hành kiến nghị, kháng nghị” để KSVTTPL. Khi kiểm sát bản án, KSV kiểm sát bản án, quyết định của TA bằng phiếu kiểm sát bản án. Sau khi xét xử sơ thẩm xong, KSV đã tập trung vào kiểm sát việc giao bản án của HĐXX theo đúng thời hạn giao bản án cho các đối tượng là 10 ngày theo quy định tại Điều 262 BLTTHS 2015 nhằm tạo điều kiện để những người quy định tại Điều 331 BLTTHS 2015 thực hiện việc kháng cáo; nếu qua 10 ngày mà Tòa án chưa giao bản án thì VKS kiến nghị TA ngay sau đó. Đồng thời, việc giao bản án phải được thể hiện bằng biên bản giao - nhận, có chữ ký của người nhận, tránh tình trạng thất lạc, khó quy kết trách nhiệm. Tuy nhiên, vẫn còn trường hợp KSV chưa đọc kỹ toàn bộ bản án cả phần thủ tục cũng như phần nội dung và phần quyết định của vụ án nên còn để xảy ra các sai sót như: bản án ghi sai cả họ tên của các vị Hội thẩm nhân dân; nhầm tên của chủ tọa phiên tòa và KSV tiến hành tố tụng tại phiên tòa; luật sư vắng mặt tại phiên tòa lại ghi là luật sư có mặt; giữa bản án mà chủ tọa phiên tòa đọc khi tuyên án với bản án chính thức (đánh máy, có chữ ký, đóng dấu) có khi khác nhau về mặt nội dung, phần đọc ở Tòa án phản ánh nội dung sơ sài, đơn giản, thiếu phân tích nhưng sau đó được sửa chữa viết lại hay việc bản án bị dập, xóa, viết chèn, viết thêm cũng còn xảy ra.

#### ***2.4.5. Kiểm sát xét xử phúc thẩm***

Kháng nghị của VKS đối với các bản án, quyết định sơ thẩm có vi phạm

pháp luật vừa thể hiện kết quả hoạt động KSVTTPL trong xét xử, vừa thể hiện trách nhiệm thực hành quyền công tố của VKS, đồng thời tránh không để xảy ra các trường hợp xét xử oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Khi bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án phúc thẩm sẽ tiến hành nhiều biện pháp nhằm làm sáng tỏ nội dung kháng cáo, kháng nghị, xem xét những vấn đề khác có liên quan, đồng thời chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đưa vụ án ra xét xử. Theo số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trong những năm 2014 - 2018, toàn ngành đã tham gia phiên tòa xét xử phúc thẩm 74497 vụ, cụ thể: năm 2014, VKS đã tham gia kiểm sát xét xử phúc thẩm 12.727 vụ; năm 2015 là 15.479 vụ; năm 2016 là 15.673 vụ; năm 2017 là 14.217 vụ và năm 2018 là 16401 vụ) [45]. Còn đối với tỉnh Gia Lai, bình quân hàng năm ngành Kiểm sát tỉnh Gia Lai đã tham gia xét xử hàng trăm vụ án phúc thẩm. Với kết quả xét xử nêu trên cho thấy trong những năm qua ngành Kiểm sát đã cùng với Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết một số lượng lớn các vụ án đạt tỷ lệ khá cao. Tuy có nhiều vụ án hủy hoại rùng có tính chất đặc biệt nghiêm trọng với nhiều bị cáo tham gia nhưng hoạt động THQCT và KSVTTPL trong giai đoạn xét xử phúc thẩm của VKS vẫn luôn đảm bảo xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đảm bảo cho TA ra bản án, quyết định hợp pháp và có căn cứ, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm hủy hoại rùng nói riêng. Để hoàn thành tốt công tác này, ngành Kiểm sát tỉnh Gia Lai đã đảm bảo những nội dung sau đây:

- Yêu cầu đội ngũ KSV phải nắm vững các quy định của pháp luật và thực hiện nghiêm túc Quy chế nghiệp vụ của ngành. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, KSV phải chú trọng kiểm sát việc TA chấp hành các quy định về thủ tục tố tụng, về thời hạn xét xử phúc thẩm, áp dụng, thay đổi, hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn... Thực tiễn cho thấy, ở giai đoạn này TA thường mắc một số vi phạm pháp luật tuy chưa đến mức nghiêm trọng như: không thông báo hoặc thông báo chậm, không đầy đủ việc kháng cáo, kháng nghị; không xác minh lý do kháng cáo quá hạn; vi phạm thời hạn xét xử phúc thẩm... nên khi phát hiện các vi phạm này, KSV thường trực tiếp yêu cầu hoặc báo cáo lãnh đạo Viện đề kiến nghị yêu cầu TA

khắc phục. VKS tỉnh Gia Lai cũng đặc biệt chú ý tới những trường hợp TA bác kháng nghị không đúng pháp luật và đề nghị VKS cấp trên xem xét để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Qua kết quả xét xử trên cho thấy số lượng án phải xét xử phúc thẩm có xu hướng ngày càng tăng, án sửa và hủy ở cấp phúc thẩm vẫn còn chiếm tỷ lệ cao. Số án còn lại phần lớn được đình chỉ xét xử do người kháng cáo rút kháng cáo hoặc VKS rút kháng nghị trước khi xét xử. Chỉ tính riêng trong 6 tháng đầu năm 2018, số vụ án hủy hoại rùng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm là 02 vụ (trong đó hủy án để điều tra, xét xử lại: 02 vụ, hủy án và đình chỉ vụ án: 0 vụ) chiếm tỷ lệ 16 % số vụ đã xét xử và tăng 7,8 % so với cùng kỳ năm trước.

- Thông qua công tác kiểm sát xét xử phúc thẩm, VKS cấp trên đã chú ý phát hiện những thiếu sót, vi phạm trong kiểm sát xét xử hình sự của VKS cấp dưới, ban hành các thông báo rút kinh nghiệm để khắc phục, sửa chữa. Mặt khác, VKS tỉnh Gia Lai đã chú trọng kiểm tra, phát hiện các vi phạm, thiếu sót của TA trong việc đánh giá nhận định không đúng với bản chất của vụ án, hành vi của bị cáo, áp dụng không đúng các điều khoản điểm của BLHS về mức hình phạt, về việc cho hưởng án treo, về bồi thường thiệt hại của BLHS, thực hiện không đúng các quy định của BLTTHS về trình tự thủ tục phiên tòa trong xét xử các vụ án hủy hoại rùng để tập hợp, kiến nghị TA yêu cầu sửa chữa, khắc phục những vi phạm.

Qua hoạt động kiểm sát xét xử phúc thẩm thì những vi phạm thường thấy của TA tỉnh Gia Lai tập trung ở những loại vi phạm sau:

- Việc hoãn phiên toà phúc thẩm xảy ra khá nhiều trên thực tế; lý do nhiều khi không phải do sự vắng mặt của KSV, những người tiến hành tố tụng hay những người được triệu tập đến phiên toà vắng mặt có lý do chính đáng theo quy định tại Điều 350, 352 BLTTHS 2015. Ở đây lý do hoãn phiên toà có thể do HĐXX gặp khó khăn trong việc đánh giá chứng cứ nên phải hoãn phiên toà để nghiên cứu thêm (tăng cứu) hoặc xin ý kiến cấp trên. Việc phải hoãn phiên toà trong trường hợp này đã cho thấy sự bị động và quan hệ lệ thuộc rất lớn về chuyên môn của Toà cấp dưới đối với Toà cấp trên; thể hiện sự không rõ ràng giữa yếu tố hành chính và yếu tố tố tụng trong quan hệ giữa Toà án các cấp. Theo chúng tôi, trong trường hợp này hoàn



toàn có thể khắc phục được nếu các cơ quan tiến hành tố tụng có sự chuẩn bị kỹ hơn, đầy đủ hơn trước khi mở phiên tòa.

- Việc áp dụng quy định huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại hoặc xét xử lại cũng còn nhiều vướng mắc. Hiện nay, việc huỷ án đồng nghĩa với trách nhiệm hành chính hết sức nặng nề của Thẩm phán xử sơ thẩm có án bị huỷ, do đó, HĐXX phúc thẩm thường nương tay, không huỷ án mà chỉ hoãn phiên tòa để tăng cứu và bổ sung chứng cứ. Việc hoãn phiên tòa trong tất cả những trường hợp như vậy đã kéo dài quá trình giải quyết vụ án, gây lãng phí thời gian, tài chính của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và tiến độ xét xử các vụ án khác. Tuy nhiên, hiện nay VKS cũng không thể có một giải pháp hữu hiệu nào nhằm góp phần loại trừ những vi phạm pháp luật kể trên.

- Trên thực tế các vi phạm về thời hạn tố tụng, về thủ tục tố tụng tại phiên tòa, về hoãn phiên tòa,... của TA tại phiên tòa phúc thẩm trong hoạt động xét xử vẫn xảy ra khá phổ biến nhưng một số KSV ít quan tâm phát hiện, tổng hợp các vi phạm để kiến nghị yêu cầu TA khắc phục do nhận thức chưa đầy đủ về chức năng này. Bên cạnh đó, xảy ra tình trạng VKS phải “bó tay” đối với kết quả các hoạt động yêu cầu TA cấp phúc thẩm khắc phục những vi phạm thủ tục tố tụng của TA cấp sơ thẩm. Theo quy định VKS có quyền kiến nghị nhưng nếu VKS kiến nghị mà TA không thực hiện thì VKS cũng không có biện pháp nào bắt buộc TA phải thực hiện. Chính vì vậy nên VKS đã phải sử dụng một loại quyền khác có trọng lượng hơn, đó là quyền kháng nghị; vậy nhưng quyền kháng nghị lại chỉ dành cho những vi phạm tố tụng ở mức độ tương đối nghiêm trọng; hơn nữa, nếu kháng nghị này cũng không được TA cấp phúc thẩm chấp nhận thì những lần kháng nghị tiếp theo nếu gặp các căn cứ kháng nghị tương tự như vậy thì khó có thể tiếp tục được đặt ra. Tồn tại hạn chế trên đã khiến cho hoạt động kiểm sát xét xử phúc thẩm chưa thật sự hiệu quả trong việc khắc phục các vi phạm pháp luật trong thực tiễn xét xử.

### Chương 3

## HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ CÁC GIẢI PHÁP KHÁC NÂNG CAO HIỆU QUẢ KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG VỤ ÁN HỦY HOẠI RỪNG THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

### 3.1. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự

Như Luận văn đã phân tích ở phần trên, một trong các nguyên nhân dẫn đến tình trạng hoạt động KSVTTPL trong các vụ án hủy hoại rừng chưa đáp ứng được với yêu cầu đặt ra là do một số quy định của pháp luật chưa thực sự hoàn thiện. Tuy nguyên nhân về pháp luật là không nhiều và không là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới những hạn chế đã chỉ ra ở Chương 2 nhưng vẫn cần có các đề xuất nhằm bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật. Do đó, chúng tôi đề xuất một số chỉnh sửa, bổ sung đối với các quy định của BLTTHS 2015. Cụ thể như sau:

*\* Đề xuất bổ sung quy định Viện kiểm sát kiểm sát việc tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố của Cơ quan điều tra*

- Tại Khoản 3 Điều 146 BLTTHS năm 2015 quy định: “... Công an xã có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, lập biên bản tiếp nhận, lấy lời khai ban đầu và chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo tài liệu, đồ vật có liên quan cho CQĐT có thẩm quyền”; Khoản 5 Điều 8 Thông tư 01 quy định: “... Công an xã khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm thì lập biên bản tiếp nhận, lấy lời khai ban đầu, thông báo và chuyển tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo tài liệu, đồ vật có liên quan cho CQĐT có thẩm quyền trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm. Đối với các xã ở vùng rừng núi xa xôi, hẻo lánh, hải đảo, điều kiện đi lại khó khăn thì thời hạn chuyển tố giác, tin báo về tội phạm không quá 48 giờ kể từ khi tiếp nhận. Trường hợp khẩn cấp, cấp bách, cần ngăn chặn ngay tội phạm, thu thập chứng cứ, bảo vệ hiện trường thì Công an xã, phường, thị trấn, Đoàn Công an, Trạm Công an phải báo ngay đến CQĐT có thẩm quyền bằng hình thức liên lạc nhanh nhất và thực hiện các biện pháp giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật”. Theo các quy định trên, Công an xã

không được tiến hành kiểm tra, xác minh sơ bộ như Công an phường, thị trấn, Đoàn Công an nhưng trên thực tế đối với các xã ở vùng rừng núi xa xôi, hẻo lánh, hải đảo, các xã ở xa trung tâm huyện điều kiện đi lại khó khăn sau khi tiếp nhận tin báo tố giác tội phạm nếu không được tiến hành xác minh sơ bộ ban đầu mà chuyển ngay tố giác tin báo đến CQĐT có thẩm quyền trong thời hạn 24 giờ hoặc tối đa 48 giờ, sau đó lại mất từng đó thời gian để CQĐT có thẩm quyền đến hiện trường để xác minh; như vậy hiện trường sẽ bị xáo trộn làm cho quá trình điều tra thu thập chứng cứ ban đầu gặp nhiều khó khăn, nhất là đối với các vụ án hủy hoại rừng. Bên cạnh đó, do không thể tiến hành xác minh sơ bộ từ ban đầu đối với tố giác, tin báo về tội phạm nên lực lượng Công an xã khó có thể phát hiện được hành vi phạm tội để sau đó tiến hành chuỗi hoạt động “ngăn chặn ngay tội phạm, thu thập chứng cứ hay bảo vệ hiện trường và báo ngay đến CQĐT có thẩm quyền bằng hình thức liên lạc nhanh nhất và thực hiện các biện pháp giải quyết kịp thời” như quy định về trường hợp khẩn cấp, cấp bách. Do vậy, chúng tôi đề xuất bổ sung quy định về thẩm quyền xác minh sơ bộ ban đầu của Công an xã khi tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm.

- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 BLTTHS năm 2015 quy định: *“Hết thời hạn quy định tại Điều 147 của Bộ luật này, cơ quan có thẩm quyền giải quyết quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố khi thuộc một trong các trường hợp: a) Đã trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp nhưng chưa có kết quả; b) Đã yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật quan trọng có ý nghĩa quyết định đối với việc khởi tố hoặc không khởi tố vụ án nhưng chưa có kết quả”*. Theo quy định trên đối với một số tố giác tin báo về tội phạm sau khi tiếp nhận thì Công an xã lấy lời khai ban đầu và chuyển Cơ quan điều tra Công an huyện, sau khi tiến hành xác minh tố giác tin báo về tội phạm nhưng CQĐT có thẩm quyền không lấy được lời khai của đối tượng do đó chưa làm sáng tỏ được có dấu hiệu tội phạm hay không nên không thuộc quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 148 BLTTHS năm 2015. Cho nên, khi hết thời hạn giải quyết tố giác tin báo về tội phạm, CQĐT có thẩm quyền không có căn cứ để tạm đình chỉ giải quyết tố giác tin báo về tội

phạm; vậy đối với những tố giác tin báo về tội phạm này CQĐT có thẩm quyền và VKS cần phải giải quyết ra sao? Chúng tôi thiết nghĩ cần phải có hướng dẫn cụ thể.

*\* Đề xuất bãi bỏ quy định về quyền khởi tố vụ án của Hội đồng xét xử*

Khoản 4 Điều 153 BLTTHS 2015 quy định về quyết định khởi tố vụ án hình sự của Hội đồng xét xử: “*Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm*”. Như đã phân tích ở phần trên, từ góc độ kiểm sát việc khởi tố, chúng tôi cho rằng không nên dành cho HĐXX quyền quyết định khởi tố vụ án như quy định trên. Bởi lẽ, trong thực tế quyết định khởi tố vụ án của HĐXX hầu như không được thực hiện và nếu có, cũng rất khó đảm bảo được tính có căn cứ của nó. Quy định này tồn tại không đáng kể trong đời sống pháp luật; mặt khác, nếu phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm, HĐXX đã có quyền yêu cầu VKS khởi tố. Do đó, nên bãi bỏ quy định này với mục đích đảm bảo cho HĐXX thực sự chỉ là thiết chế xét xử, chuyên tâm vào việc xét xử.

*\* Đề xuất hoàn thiện các quy định về khám nghiệm hiện trường*

Để góp phần giải quyết một cách triệt để những vấn đề phát sinh từ thực tiễn khám nghiệm hiện trường và kiểm sát khám nghiệm hiện trường, đặc biệt là đối với các vụ án hủy hoại rừng. Theo chúng tôi, bên cạnh việc nâng cao trình độ khám nghiệm hiện trường cho KSV, trang bị phương tiện, cơ sở vật chất cho hoạt động kiểm sát khám nghiệm thì cần sửa đổi, bổ sung những quy định về thẩm quyền khám nghiệm hiện trường; cụ thể: Trong những vụ án phức tạp, có hiện trường rộng, lực lượng khám nghiệm hiện trường đông, nhiều thành phần (như các vụ án hủy hoại rừng) thì nên quy định theo hướng ĐTV là người tổ chức và chịu trách nhiệm cuối cùng về hoạt động khám nghiệm. Bên cạnh đó, cần ghi nhận vai trò tổ chức khám nghiệm (bao gồm các hoạt động nghiệp vụ cụ thể như: đề xuất việc lập Hội đồng khám nghiệm, kiểm tra hoạt động bảo vệ hiện trường, lập biên bản khám nghiệm hiện trường...) và chịu trách nhiệm cuối cùng đối với kết quả khám nghiệm của ĐTV. Mặt khác, xuất phát từ thực tiễn khám nghiệm hiện trường và kiểm sát khám nghiệm hiện trường, theo chúng tôi cần chỉnh sửa quy định mang tính định nghĩa về hiện trường như hiện nay được quy định tại Khoản 1 Điều 201 BLTTHS

2015: “... nơi xảy ra, nơi phát hiện tội phạm” thành “nơi xảy ra, nơi phát hiện vụ việc mang tính hình sự” vì nhiều trường hợp phải qua khám nghiệm và các hoạt động điều tra khác mới xác định hiện trường một vụ việc mang tính hình sự có phải là hiện trường một vụ phạm tội hay không. Ví dụ: hiện trường của vụ án hủy hoại rừng phải qua quá trình khám nghiệm, thu thập thông tin, định giá, xác định diện tích rừng,... mới có thể kết luận được có phải rừng bị phá là do hành vi phạm tội gây ra hay không. Do vậy, nếu chỉ chọn lựa địa điểm chắc chắn là “nơi xảy ra, nơi phát hiện tội phạm” để khám nghiệm sẽ không phù hợp với thực tiễn và dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội phạm, bỏ sót các chứng cứ quan trọng của vụ án.

*\* Đề xuất hoàn thiện các quy định về chế định biện pháp ngăn chặn và kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn*

BLTTHS 2015 quy định tám biện pháp ngăn chặn; trong đó, giai đoạn điều tra có sáu biện pháp phải có sự phê chuẩn của VKS, đó là: giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt (trong trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp), tạm giữ (trong trường hợp gia hạn tạm giữ đối với người bị bắt theo quyết định truy nã), tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm (trường hợp tạm giữ và tạm hoãn xuất cảnh thì chỉ cần thông báo cho VKS cùng cấp trước khi thi hành). Tuy nhiên, ngoài các biện pháp ngăn chặn đặc biệt nghiêm khắc (bắt, tạm giữ, tạm giam), trong ba biện pháp ngăn chặn còn lại ít nghiêm khắc hơn là: cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm thì chỉ có biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú được áp dụng tương đối phổ biến còn các biện pháp khác ít được áp dụng trên thực tế. Nguyên nhân là vì biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú được thực hiện rất nhanh gọn về thủ tục do không cần có sự phê chuẩn của VKS và VKS cũng hầu như không kiểm sát việc áp dụng biện pháp ngăn chặn này của CQĐT. Chính vì vậy nên nhiều trường hợp đáng lẽ phải tạm giam nhưng do một vài lý do, CQĐT lại áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Do đó, để kiểm sát tính có căn cứ và tính hợp pháp của việc áp dụng, thay thế biện pháp ngăn chặn; theo chúng tôi, cần quy định quyền phê chuẩn của VKS đối với biện pháp ngăn chặn này. Cụ thể, bổ sung Khoản 3 Điều 123 BLTTHS 2015 như sau: “Những người có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 113 của Bộ

luật này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Đoàn trưởng Đoàn biên phòng có quyền ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của những người được quy định tại Khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này, Đoàn trưởng Đoàn biên phòng phải được VKS cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành”.

### **3.2. Một số giải pháp khác nâng cao hiệu quả kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong vụ án hủy hoại rừng**

#### **3.2.1. *Đẩy mạnh công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật***

Trong thời gian qua, hoạt động áp dụng các quy định của pháp luật hình sự đối với tội hủy hoại rừng còn nhiều hạn chế như: quan hệ phối hợp giữa CQĐT, VKS và TA trong một số vụ việc còn chưa thống nhất do hạn chế về nhận thức của một hoặc các bên dẫn đến việc cung cấp tài liệu ban đầu không đầy đủ làm cho thời gian giải quyết vụ án kéo dài mà không hiệu quả; hay số lượng các vụ án hủy hoại rừng bị đưa ra xét xử hàng năm rất ít nhưng vẫn còn tình trạng cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Nguyên nhân của những tồn tại trên là do năng lực nghiệp vụ của một bộ phận trong đội ngũ cán bộ KSV cũng như ĐTV và Thẩm phán còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng tăng lên trong cuộc đấu tranh với loại tội phạm này với nhiều hình thức, thủ đoạn khác nhau.

Để hoạt động áp dụng pháp luật cũng như cuộc đấu tranh đối với loại tội phạm này có hiệu quả và đáp ứng được sự mong đợi của nhân dân; các cấp, các ngành cần đẩy mạnh công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật. Cụ thể, cần tiếp tục hướng dẫn các quy định của pháp luật hình sự đối với tội hủy hoại rừng tạo nên thể chế pháp lý đầy đủ và thống nhất. Bên cạnh đó, các cơ quan trên cần chú trọng việc tiếp nhận thông tin những vướng mắc về chuyên môn nghiệp vụ; yêu cầu các đơn vị chức năng phân loại những vấn đề vướng mắc nhưng đã được hướng dẫn để thông báo cho các cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương biết và áp dụng; những vấn đề chưa có hướng dẫn thì nghiên cứu để có văn bản dưới luật hướng dẫn cụ thể hơn. Có như vậy mới bảo đảm tính thống nhất trong việc áp dụng pháp luật khi quyết định hình phạt đối với tội phạm.

### ***3.2.2. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc giải quyết các vụ án hủy hoại rừng***

Đối với ngành Kiểm sát tỉnh Gia Lai, VKS tỉnh thường sử dụng biện pháp thanh tra, kiểm tra thông qua các hình thức: kiểm tra việc xây dựng kế hoạch công tác hàng năm; trực tiếp kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch một năm từ một đến hai lần ở mỗi đơn vị cấp huyện; kiểm tra đột xuất của lãnh đạo cấp trên đối với đơn vị cấp dưới và kiểm tra thường xuyên các cán bộ, KSV thực hiện chức năng nhiệm vụ của lãnh đạo cấp huyện và cấp phòng. Trong những năm qua, VKS tỉnh Gia Lai đã thực hiện khá tốt công tác kiểm tra; tuy nhiên, xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ mới trong giai đoạn hiện nay, công tác thanh tra, kiểm tra việc giải quyết các vụ án hủy hoại rừng cần tiếp tục thực hiện tốt những yêu cầu sau:

- VKS cả hai cấp cần xác định công tác thanh tra, kiểm tra là một trong những biện pháp quan trọng và cần thiết để nâng cao vai trò, vị trí của ngành; thông qua thanh tra, kiểm tra để đảm bảo cho đơn vị thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của ngành Kiểm sát nhân dân. Do đó, trong quá trình kiểm tra, thanh tra nghiệp vụ cần phải cử những KSV có kinh nghiệm, chuyên môn nghiệp vụ kiểm sát tốt để kiểm tra phát hiện những sai phạm, những thiếu sót cụ thể qua đó để kịp thời tham mưu đề ra những biện pháp khắc phục kịp thời. Những vi phạm cần phải được phát hiện, xử lý kịp thời, tránh việc xử lý đại khái, để đãi bỏ qua để lần sau các sai phạm này vẫn bị mắc phải. Những vi phạm, thiếu sót trong quá trình kiểm tra, thanh tra cần phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cụ thể để đảm bảo tính khách quan.

- Thông qua kế hoạch năm, VKS tỉnh có kế hoạch để cho việc kiểm tra, thanh tra được toàn diện đối với các đơn vị trong toàn đơn vị. Có thể cho tiến hành kiểm tra chéo giữa các VKS cấp huyện với các phòng nghiệp vụ của VKSND cấp tỉnh; đồng thời, phải nghiêm túc thực hiện chế độ thông tin báo cáo, thỉnh thị; cần kiến nghị sửa đổi một số biểu mẫu, cột mục các nội dung trong các quyết định áp dụng pháp luật không còn phù hợp cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Trong quá trình hoạt động của mình, các phòng nghiệp vụ VKS tỉnh tham mưu cho lãnh đạo Viện thông báo hoạt động áp dụng pháp luật trong các khâu Công tác kiểm sát các vụ án hủy hoại rừng nói riêng và từng đơn vị trong toàn ngành kiểm sát nói chung; qua đó các đơn vị phát huy được những điểm mạnh của mình và hạn chế được những sai sót đã mắc phải trong quá trình áp dụng pháp luật.

### ***3.2.3. Đổi mới tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ ngành kiểm sát***

Để đổi mới tổ chức bộ máy ngành Kiểm sát và nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ ngành Kiểm sát, theo chúng tôi cần thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 18-NQ/TW và Kế hoạch số 07-KH/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Theo đó, cần tập trung thực hiện tốt các nội dung sau:

*Thứ nhất*, chú trọng đề cao trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị mà trực tiếp là người đứng đầu. Xuất phát từ nguyên tắc tổ chức và hoạt động của ngành Kiểm sát là tập trung thống nhất do Viện trưởng lãnh đạo; do đó, để nâng cao chất lượng công tác KSVTTPL các vụ án hình sự nói chung và vụ án hủy hoại rừng nói riêng thì việc nâng cao hơn nữa vai trò Lãnh đạo của Viện trưởng VKS các cấp là một yêu cầu khách quan. Tăng cường vai trò của Viện trưởng VKS trước hết là nâng cao hơn nữa trách nhiệm của Viện trưởng trong việc trực tiếp thực hiện các hoạt động THQCT và KSVTTPL trong các vụ án hình sự. Có một thực tế là lâu nay Viện trưởng VKS các cấp quá tập trung vào công việc hành chính, sự vụ rồi giao toàn bộ hoạt động THQCT và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự cho cấp phó và KSV dưới quyền thực hiện; nhiều quyết định tố tụng được Viện trưởng ban hành chỉ trên cơ sở báo cáo của cấp dưới nên đã để xảy ra những trường hợp oai, sai. Với vai trò là người lãnh đạo điều hành và chịu trách nhiệm về hoạt động của VKS cấp dưới đòi hỏi Viện trưởng VKS các cấp phải trực tiếp tham gia vào những hoạt động THQCT KSVTTPL trong các vụ án hình sự. Đồng thời, cần tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo của Viện trưởng VKS cấp trên đối với Viện trưởng VKS cấp dưới; Viện trưởng



VKS cấp trên cần có những biện pháp đề VKS cấp dưới phải thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo, thống kê, thỉnh thị nghiệp vụ theo quy định; đồng thời, quy định chặt chẽ cơ chế xử lý thông tin báo cáo và trả lời thỉnh thị của VKS cấp trên về những vướng mắc về áp dụng pháp luật của VKS cấp dưới; thời gian trả lời phải kịp thời, không được ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết vụ án.

*Thứ hai*, để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành là rất quan trọng. Chú trọng tăng cường nghiên cứu, áp dụng khoa học - công nghệ trong các lĩnh vực công tác của ngành, xây dựng các phần mềm quản lý, phần mềm phục vụ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; thường xuyên tổ chức các hội nghị giao ban trực tuyến hàng tháng ở VKS hai cấp tỉnh và huyện nhằm giúp lãnh đạo VKS nắm được những vụ việc còn tồn đọng, chưa giải quyết của các đơn vị ở tất cả các khâu công tác; những chỉ tiêu nghiệp vụ đã hoàn thành, những chỉ tiêu chưa đạt... để có biện pháp chỉ đạo giải quyết kịp thời.

*Thứ ba*, tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các quy định của ngành Kiểm sát về tổ chức bộ máy theo nguyên tắc “một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính”. Bên cạnh đó, đẩy mạnh thực hiện phân cấp quản lý cán bộ đi đôi với xây dựng và thực hiện tốt cơ chế giám sát việc thực hiện phân cấp.

*Thứ tư*, tiếp tục kiện toàn, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy làm việc cấp vụ, cấp phòng theo hướng giảm đầu mối, tinh gọn thành một đơn vị thực hiện nhiều nhiệm vụ có tính chất tương đồng; có chính sách phù hợp đối với công chức chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy. Đặc biệt, trong hoạt động KSVTTPL các vụ án hình sự nói chung và vụ án hủy hoại rừng nói riêng, theo chúng tôi cần tiến hành sắp xếp tổ chức bộ máy, chỉ bố trí những KSV có năng lực thật sự vào khâu này. Muốn được như vậy thì việc đầu tiên chúng ta cần giải quyết là nhằm vào cái gốc của vấn đề: công tác tổ chức cán bộ. (i) Phải mạnh dạn, đổi mới mạnh mẽ công tác luân chuyển, điều động, biệt phái cán bộ, bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch để bổ sung những cán bộ có năng lực thực sự cho

công tác thực hành KSVTTPL trong các vụ án hình sự. (ii) Tiếp tục thực hiện nghiêm việc tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, khẩn trương cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức; đánh giá đúng thực trạng quản lý, sử dụng biên chế tại các đơn vị; sắp xếp, điều chỉnh tăng biên chế, tăng KSV cho các đơn vị nghiệp vụ, các địa phương có khối lượng công việc lớn, phức tạp hoặc được giao tăng thêm nhiệm vụ; giảm biên chế, giảm KSV ở các đơn vị hành chính, phục vụ hoặc những đơn vị ít việc. (iii) Có chiến lược quy hoạch sắp xếp, bố trí cán bộ theo hướng chuyên sâu vào từng lĩnh vực công tác chuyên môn cụ thể theo đúng sở trường và chuyên môn được đào tạo; đồng thời có kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận. Như thế sẽ phát huy hết năng lực cán bộ phục vụ tốt cho việc thực hiện chức năng KSVTTPL trong các vụ án hình sự.

*Thứ năm*, việc nâng cao chất lượng, đội ngũ cán bộ ngành kiểm sát. Trong thực tiễn KSVTTPL vụ án hủy hoại rừng cho thấy cơ cấu đội ngũ cán bộ ngành Kiểm sát còn bộc lộ một số hạn chế như cơ cấu cán bộ là người dân tộc thiểu số còn thấp nên đã ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng công tác kiểm sát. Đặc thù của các vụ án hủy hoại rừng thường diễn ra ở các địa bàn miền núi xa xôi, là nơi sinh sống của phần lớn các dân tộc anh em; do đó VKS cấp huyện ở địa bàn có diện tích rừng lớn cần phải tăng cường nhiều hơn nữa cán bộ KSV là người đồng bào dân tộc thiểu số, hoặc những cán bộ ngành kiểm sát là người dân tộc kinh nhưng am hiểu văn hóa, bản sắc của người dân Tây Nguyên vì nếu am hiểu về phong tục tập quán của đồng bào, địa hình rừng núi sẽ giúp cho KSV thực hiện có hiệu quả công tác KSVTTPL đối với các vụ án hủy hoại rừng. Bên cạnh đó để nâng cao chất lượng của cán bộ ngành kiểm sát (bao gồm năng lực, trình độ chuyên môn), theo chúng tôi còn cần phải tính đến yếu tố thời đại; quá trình toàn cầu hóa đã tạo ra các loại tội phạm có tính chất xuyên quốc gia, tội phạm công nghệ cao nên để đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm này đòi hỏi đội ngũ KSV phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức kinh tế, chính trị, xã hội tốt mới có thể đáp ứng được yêu cầu công việc được giao. Do đó, cần xây dựng chương trình đào tạo đội ngũ KSV có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở từng lĩnh vực cụ thể để nâng cao chất lượng

THQCTT và KSVTTPL trong TTTHS; tập trung bồi dưỡng thường xuyên những cán bộ kiểm sát về năng lực chuyên môn, trong đó có năng lực KSVTTPL các vụ án về môi trường. Mặt khác, do tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường nên phải lựa chọn những người có phẩm chất đạo đức tốt, có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, không bị cám dỗ, mua chuộc, vụ lợi cá nhân để bổ sung vào đội ngũ KSV các cấp; đồng thời phải xử lý nghiêm minh những KSV thoái hóa, biến chất hoặc quá yếu kém về trình độ chuyên môn nghiệp vụ; để từ đó xây dựng một đội ngũ cán bộ ngành Kiểm sát “vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm”.

#### ***3.2.4. Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát với các cơ quan có liên quan trong việc phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hủy hoại rừng***

Để tăng cường công tác phối hợp liên ngành có liên quan trong việc phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hủy hoại rừng; đòi hỏi các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương phải có sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt hơn nữa; đồng thời, gắn trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp chính quyền và trách nhiệm cá nhân người đứng đầu với công tác bảo vệ rừng ở địa bàn; công tác phối hợp cần có hệ thống, có kế hoạch trong việc tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng theo phương châm “phòng là chính”. Sau đây là một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò của các cơ quan có liên quan:

+ Đối với Cơ quan Kiểm lâm, Cơ quan Kiểm lâm là các cơ quan chuyên trách bảo vệ rừng, phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật quản lý rừng trên các địa bàn có diện tích rừng lớn. Vì vậy, các đơn vị kiểm lâm cần kết hợp với các chính quyền cơ sở, quần chúng nhân dân một cách chặt chẽ để sớm phát hiện các đối tượng đang có hành vi phạm tội, số đối tượng tham gia, tính chất và địa bàn thực hiện hành vi phạm tội. Khi phát hiện thấy các đối tượng có biểu hiện nghi vấn, nếu không đủ căn cứ để truy tố trước pháp luật thì cần phải có biện pháp xử lý hành chính để làm giảm sự gia tăng của tội phạm. Thực tiễn ở địa phương cho thấy, để đấu tranh có hiệu quả với loại tội phạm hủy hoại rừng thì Cơ quan Kiểm lâm cần

phải đổi mới, khắc phục những hạn chế, thiếu sót theo hướng: tăng cường trang bị các phương tiện đáp ứng yêu cầu công tác cho các hạt kiểm lâm cấp huyện, đặc biệt là các hạt kiểm lâm ở những vùng trọng điểm về tội phạm hủy hoại rừng; tăng cường ứng dụng công nghệ tin học, viễn thông vào công tác quản lý bảo vệ rừng, theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp, thống kê các vụ vi phạm về hủy hoại rừng trên địa bàn; bố trí kiểm lâm địa bàn ở 100% các xã có rừng để tham mưu cho chính quyền địa phương về bảo vệ và phát triển rừng; kịp thời phát hiện, xử lý những hành vi hủy hoại rừng. Đồng thời, công tác cán bộ của ngành Kiểm lâm cũng đặc biệt quan trọng, cần tiến hành công tác điều tra, rà soát về lối sống, đạo đức, tư tưởng của cán bộ kiểm lâm để thanh lọc, làm trong sạch bộ máy ngành Kiểm lâm. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Cơ quan Kiểm lâm phải phối hợp chặt chẽ với quân đội, công an, kiểm sát... để kịp thời điều tra, xử lý những vụ phá hoại, đốt rừng làm nương rẫy gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài nguyên rừng; lập chốt, tăng cường cán bộ kiểm lâm ở những nơi có diện tích rừng có nguy cơ bị xâm hại, lớn; qua đó tạo mối quan hệ phối hợp bảo vệ rừng với nhân dân.

+ Đối với Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước trên toàn bộ các lĩnh vực của địa phương; trong đó có lĩnh vực bảo vệ môi trường, bảo vệ và phát triển rừng; do đó, Ủy ban nhân dân phải ban hành những quy định, cơ chế phối hợp liên ngành giữa các cơ quan chuyên trách như Kiểm lâm, Bộ đội biên phòng và Công an trong công tác bảo vệ rừng tại địa phương; đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát các cơ quan này. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân cần nghiên cứu, ban hành các chính sách quản lý phù hợp và giải pháp ngăn chặn tình trạng di cư tự do, ổn định cuộc sống của đồng bào dân tộc tại chỗ cũng như đồng bào từ nơi khác di cư đến; tăng cường quản lý đối với những cơ quan tổ chức, cá nhân được giao đất giao rừng nhằm tăng cường quản lý của các chủ rừng. Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra năng lực bảo vệ rừng của các chủ rừng phải thực hiện ngay việc thu hồi rừng đối với những trường hợp mà chủ rừng không đủ năng lực và tiến hành giao rừng lại cho những hộ gia đình, cá nhân có năng lực quản lý; trường hợp chủ rừng quản lý rừng nhiều cần phải có lực lượng bảo vệ rừng chuyên

trách trực tiếp bảo vệ rừng; xây dựng các chương trình, dự án bảo vệ rừng trên diện tích rừng được giao, được thuê đảm bảo bố trí các nguồn lực không để rừng bị xâm hại trái pháp luật; hỗ trợ tài chính đối với chủ rừng để nâng cao ý thức giữ gìn và bảo vệ rừng và tránh để chủ rừng trục lợi cá nhân. Song song với các biện pháp trên, Ủy ban nhân dân các cấp cần xây dựng và duy trì hoạt động của các tổ đội quần chúng bảo vệ rừng tại các địa phương; khen thưởng, động viên kịp thời đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích bảo vệ rừng; đồng thời thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế xã hội nhằm sử dụng rừng và hưởng lợi từ rừng một cách bền vững, hiệu quả lâu dài để hạn chế, ngăn chặn tình trạng hủy hoại rừng.

Về cách thức triển khai phối hợp, qua kinh nghiệm thực tiễn KSVTTPL đối với các vụ án hủy hoại rừng, chúng tôi thấy để triển khai hiệu quả thì các cơ quan cần phối hợp theo thứ tự các bước sau:

- Bước một: Ngay sau khi nhận được tin báo có vụ hủy hoại rừng xảy ra, VKS phải phối hợp với CQĐT, Hạt Kiểm lâm huyện tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định rõ diện tích rừng bị phá, lập bảng tổng hợp để xác định số lượng, trữ lượng cây gỗ bị chặt phá, số lượng, trữ lượng từng loại cây, chiều cao, đường kính gốc cụ thể từng cây. Các cơ quan có liên quan cần đề xuất thành lập Hội đồng tiến hành định giá để xác định thiệt hại tài sản làm căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời, CQĐT phải thu giữ công cụ, dụng cụ các đối tượng dùng để chặt phá rừng và tang vật vi phạm (củi, cây rừng bị chặt phá).

- Bước hai: Cơ quan chuyên môn của địa phương phối hợp với cơ quan tiến hành tố tụng xác định rõ diện tích rừng bị chặt phá thuộc kiểu trạng thái rừng nào; thu thập tài liệu xác định nguồn gốc, các loài cây bị chặt phá thuộc nhóm gỗ gì; đồng thời thu thập bản đồ diễn biến rừng hàng năm để xác định sự thay đổi trạng thái khu rừng đó.

- Bước ba: Ủy ban nhân dân cấp huyện cung cấp các chứng cứ về việc giao đất, giao rừng, diện tích được giao, loại rừng, quyền và nghĩa vụ của chủ rừng, những thiệt hại xảy ra, chi phí trồng lại rừng...

- Bước bốn: Hạt kiểm lâm huyện cung cấp các chứng cứ để làm rõ về việc giao đất, giao rừng cho bị can hoặc người nhà bị can và thu thập các quyết định giao đất, giao rừng nếu có. Trong trường hợp có giao rừng thì cơ quan có thẩm quyền có giải thích quyền và nghĩa vụ khi giao không? Có theo dõi, giải thích không (có hồ sơ, tài liệu chứng minh hay không). Trước khi giao rừng thì khu rừng đó là rừng gì, thực trạng rừng lúc được giao ra sao, hàng năm người được giao đất, giao rừng được hưởng quyền lợi cụ thể như thế nào, ai chi trả, có tài liệu theo dõi việc chi trả không? Quyền và nghĩa vụ cụ thể của họ được quy định ở văn bản nào? Hàng năm họ thực hiện quyền và nghĩa vụ bảo vệ rừng như thế nào, ai quản lý theo dõi, có hồ sơ sổ sách không? Cơ quan Kiểm lâm phải làm rõ trước khi phá rừng họ có trồng rừng hoặc khoanh nuôi tái sinh hay không, có bỏ vốn ra để trồng, chăm sóc hoặc bảo vệ rừng không? Làm rõ tình trạng phá rừng trên địa bàn xã, huyện trong thời gian bị can phá rừng, Cơ quan Kiểm lâm có biện pháp gì để ngăn chặn; hiệu quả của các biện pháp, lý do không ngăn chặn được... để phản ánh tính chất, mức độ của hành vi hủy hoại rừng. Trước khi phá rừng thì bị can có làm đơn xin phép Ủy ban nhân dân cấp xã, Trạm kiểm lâm, Hạt kiểm lâm, Ủy ban nhân dân cấp huyện hay không (phải phản ánh trong hồ sơ vụ án). Khi làm việc thì Ủy ban nhân dân cấp huyện, Hạt kiểm lâm cung cấp tài liệu, văn bản có liên quan nào thì phải lập biên bản, tài liệu phê tồ thì phải công chứng hoặc đóng dấu treo của cơ quan cung cấp.

- Bước năm: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi rừng bị chặt phá cần làm rõ thời gian hộ gia đình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đó có ai tách hộ ra ở riêng được các thành viên trong hộ đó cho phép quản lý, sử dụng hay không? Khi bị can được Nhà nước giao đất, giao rừng để chăm sóc, quản lý, bảo vệ nhưng sau đó có hành vi hủy hoại diện tích rừng đó thì khi hỏi cung cần hỏi rõ bị can được Nhà nước giao đất, giao rừng từ khi nào, giấy tờ chứng minh về nguồn gốc đất rừng đó, thời điểm nhận giao đất, giao rừng thì thực trạng rừng đó như thế nào? Sau khi được giao rừng đến nay bị can đã thực hiện việc trông coi, khai thác không, hàng năm được hưởng chế độ từ nhà nước không?

**3.2.4. *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật đối với quần chúng nhân dân trong việc đấu tranh chống lại các hành vi hủy hoại rừng, tham gia vào việc bảo vệ, phát triển rừng***

Hiện nay, do chưa làm chưa tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ rừng nên người dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa chưa nhận thức đầy đủ được tính cấp thiết của việc bảo vệ rừng, nên vẫn tiếp tục phá rừng, có nơi còn tiếp tay, làm thuê cho bọn đầu nậu buôn bán gỗ trái phép. Do đó, để đấu tranh có hiệu quả với tội phạm hủy hoại rừng thì cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật đối với quần chúng nhân dân trong việc đấu tranh chống lại các hành vi hủy hoại rừng; tích cực tham gia bảo vệ, phát triển rừng. Theo đó, các cơ quan chức năng cần tập trung thực hiện các giải pháp sau:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân các chính sách của Nhà nước về giao đất, giao rừng cho người dân để người dân hiểu được mình là đối tượng thực sự được hưởng lợi rất lớn từ các chính sách này. Qua việc giáo dục, tuyên truyền nhằm phổ biến kiến thức pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng của các chủ rừng, chính quyền các cấp, các ngành và toàn xã hội.

- Đổi mới phương pháp tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng tiếp nhận thông tin, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số ở những vùng sâu, vùng xa; đưa kiến thức cơ bản về bảo vệ tài nguyên rừng vào chương trình giảng dạy ở cấp tiểu học và trung học; in ấn, phát hành các tài liệu tuyên truyền để phân phát cho các cộng đồng dân cư, xây dựng các bảng tuyên truyền ở nơi công cộng, trên giao lộ, cửa rừng; vận động các hộ gia đình sống trong và gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng, thực hiện bản cam kết ba không: không mua bán, không khai thác, không phá rừng; xây dựng và thực hiện các quy ước bảo vệ rừng. Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền về vấn đề di dân tự do vào địa bàn Tây Nguyên nói chung và tỉnh Gia Lai nói riêng, giúp người dân hiểu rằng Tây Nguyên không phải “miền đất hứa”, nhiều đồng bào di cư tự do vào đây nhưng cuộc sống hết sức khó khăn, thậm chí còn nghèo đói.

- Đưa các vụ án xét xử về tội hủy hoại rừng nên ra xét xử lưu động tại các khu vực có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Qua đó, để tuyên truyền pháp luật đến cho người dân thông qua việc xét xử, từ đó giúp người dân có ý thức pháp luật tốt hơn, từ đó góp phần tích cực vào việc hạn chế hành vi phạm tội hủy hoại rừng. Cơ quan Kiểm lâm trên mỗi địa bàn cần kết hợp lồng ghép trong các buổi họp dân ở thôn, buôn, hay đợt chi trả dịch vụ môi trường rừng để tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Nhà nước về bảo vệ rừng.

- Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; đặc biệt là kiến thức pháp luật về lĩnh vực bảo vệ rừng. Các cơ quan Kiểm lâm, Công an, VKS chú trọng nâng cao những kỹ năng cơ bản khác cho cán bộ như kỹ năng tuyên truyền, vận động nhân dân, kỹ năng về khuyến nông, khuyến lâm bên cạnh kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó, Nhà nước cần quan tâm hơn đến việc đầu tư cho hoạt động tuyên truyền bảo vệ rừng, đầu tư cơ sở vật chất như loa, đài, xây dựng nhà văn hóa tập thể để người dân địa phương sinh hoạt và được phổ biến giáo dục pháp luật.

### **3.2.5. Các giải pháp khác**

*\* Tăng cường công tác phối hợp giám sát, truy quét tội phạm hủy hoại rừng tại các địa bàn trọng điểm*

Tại mỗi địa bàn có diện tích rừng quản lý, các đơn vị công an nhân dân có trách nhiệm phối hợp với lực lượng kiểm lâm, lực lượng biên phòng, lực lượng bảo vệ rừng đứng chân trên địa bàn để phối hợp quản lý, giám sát thường xuyên đối với các đối tượng nghi vấn, người dân có hành vi lén lút phát, đốt phá rừng trái phép làm nương rẫy tại địa phương. Theo đó, các cơ quan cần tập trung chủ động thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

Một là, Lập kế hoạch, chuyên án tổ chức phối hợp kiểm tra truy quét tại vùng giáp ranh giữa các huyện trong và ngoài tỉnh, tại các địa bàn có điểm nóng về nạn khai thác rừng trái phép. Thường xuyên theo dõi để phát hiện sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý và bảo vệ rừng, quản lý vật tư lâm sản để thông báo cho ngành Kiểm lâm và kiến nghị các biện khắc phục, kịp thời nắm bắt tình hình, phát hiện các



vi phạm, không để bỏ lọt tội phạm. Tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác tiếp nhận, xử lý kịp thời các tin báo, tố giác tội phạm hủy hoại rừng; rà soát và xử lý dứt điểm các vụ án hình sự tồn đọng trong lĩnh vực bảo vệ rừng.

Hai là, xác định lượng quân đội là lực lượng quan trọng tham gia vào việc đấu tranh phòng, chống tội hủy hoại rừng. qua đó, xây dựng phương án huy động các lực lượng quân đội đóng quân, chốt giữ, xây dựng địa bàn quốc phòng an ninh gắn liền với bảo vệ rừng; đặc biệt là sẵn sàng tham gia các đợt truy quét chống chặt rừng, đặc biệt đối với những khu vực có vị trí quan trọng về quốc phòng.

Ba là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát công tác quản lý và bảo vệ rừng. Thường xuyên rà soát lại toàn bộ quỹ đất, quỹ rừng, khoanh vùng những nơi đã thực hiện giao khoán có chủ rừng quản lý, những nơi chưa có giao khoán, không để tình trạng rừng vô chủ dễ bị lợi dụng lấn chiếm hoặc khai thác bừa bãi; đồng thời, giám sát nghiêm ngặt việc đóng cửa rừng tự nhiên. Mặt khác, cần có giải pháp giám sát chặt chẽ hoạt động của các trạm kiểm lâm, trạm phúc kiểm; xử lý nghiêm minh cán bộ có hành vi tiếp tay cho lâm tặc, đồng thời khen thưởng, tuyên dương cán bộ kiên quyết đấu tranh với tội phạm để khích lệ tinh thần chung.

*\* Tăng cường và đổi mới công tác tập huấn các văn bản pháp luật và văn bản nghiệp vụ*

Công tác quán triệt, tập huấn các Bộ luật, Luật và các văn bản hướng dẫn pháp luật có ý nghĩa rất lớn, thiết thực đối với hoạt động THQCT và kiểm sát các vụ án hình sự trong đó có các vụ án hủy hoại rừng. Tuy nhiên việc tập huấn, quán triệt mới chỉ dừng lại bằng việc truyền đạt những nội dung cơ bản nhất, chung nhất của các đạo luật; phạm vi truyền đạt cũng hạn chế, mới tập trung vào cán bộ lãnh đạo; phần lớn KSV, cán bộ làm công tác nghiệp vụ tự nghiên cứu, tìm hiểu là chính dẫn đến tình trạng nhận thức không đầy đủ, thiếu chính xác và không thống nhất. Để khắc phục tình trạng này, cần đổi mới cách thức tập huấn, quán triệt các Bộ luật, Luật, các văn bản nghiệp vụ theo hướng sau:

- VKSND tối cao tổ chức tập huấn chuyên sâu theo từng nội dung công tác nghiệp vụ cụ thể do các Vụ nghiệp vụ thuộc VKSND tối cao thực hiện; nội dung tập

huấn từng chuyên đề do tập thể Lãnh đạo Viện duyệt hoặc một Hội đồng khoa học của Viện nghiệm thu trước khi trình bày chính thức. Đối tượng tập huấn gồm Lãnh đạo VKS và các KSV trực tiếp tác nghiệp khâu công tác nghiệp vụ mà họ đảm nhiệm. Bên cạnh đó, thường xuyên quan tâm tiến hành công tác tổng kết hoặc sơ kết các chuyên đề nghiệp vụ về THQCT và KSVTTPL trong các vụ án hình sự.

- Đưa kết quả thực hiện công tác kháng nghị phúc thẩm là một trong những tiêu chí để đánh giá kết quả công tác thi đua hàng năm giữa các đơn vị trong ngành. Đối với VKS cấp tỉnh, huyện nếu trong năm không thực hiện kháng nghị bản án sơ thẩm nào thì phải xem xét công tác thi đua năm đó của đơn vị vì đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng cũng là trách nhiệm của ngành nhưng chưa được đơn vị quan tâm thực hiện tốt. Mặt khác, việc đánh giá chất lượng kháng nghị của từng đơn vị không chỉ căn cứ vào tỷ lệ kháng nghị được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận mà còn căn cứ vào tỷ lệ kháng nghị được VKS cấp phúc thẩm bảo vệ để tránh tình trạng kháng nghị được chấp nhận ít nên hạn chế việc kháng nghị phúc thẩm.

*\* Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất*

Để đảm bảo cho hoạt động THQCT và KSVTTPL trong các vụ án hình sự nói chung và các vụ án hủy hoại rừng nói riêng đạt hiệu quả cao thì việc tăng cường trang bị phương tiện giao thông, trang thiết bị khoa học công nghệ cho VKS các cấp là hết sức cần thiết, nhất là trong điều kiện cải cách tư pháp như hiện nay. Trong quá trình đầu tư cơ sở vật chất cho VKS các cấp, cần quan tâm xây dựng cơ sở vật chất cho VKS các cấp ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo; VKS ở các địa bàn này nên được ưu tiên đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc phù hợp với thực tế địa bàn công tác và mục đích sử dụng. Đồng thời, đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ cho KSV như máy tính xách tay, các thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang và các thiết bị cần thiết khác phục vụ công tác khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi; đầu tư mua ô tô, mô tô, máy ảnh, máy ghi âm, máy ghi hình để phục vụ nhu cầu công việc của VKS ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa đáp ứng yêu cầu công tác mới.

## KẾT LUẬN

Phát hiện và loại trừ vi phạm pháp luật trong TTTHS là một đòi hỏi khách quan của tất cả các quốc gia tiến bộ, các nền văn minh trên thế giới. Vì vậy, KSVTTPL trong TTTHS có ý nghĩa đặc biệt quan trọng; với ý nghĩa là một phương diện hoạt động của VKS, có nội dung là sự giám sát liên tục, cụ thể, trực tiếp việc tuân theo pháp luật các hoạt động phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án hình sự để phát hiện các vi phạm pháp luật nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội, vi phạm pháp luật đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, không để lọt tội phạm và người phạm tội, pháp nhân phạm tội, không làm oan người vô tội.

Gia Lai là một tỉnh miền núi, đời sống của người dân vùng rừng và ven rừng còn nhiều khó khăn; tình trạng du canh du cư, chặt phá rừng làm nương rẫy, sống dựa vào việc khai thác các nguồn lợi từ rừng chưa có dấu hiệu giảm đi. Mặc dù những năm qua, các cấp ủy đảng, chính quyền đã có nhiều chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn nhưng hiệu quả thấp, không giải quyết triệt để nhu cầu cuộc sống nên người dân tiếp tục phải bám rừng, coi khai thác lâm sản là kế sinh nhai chính nuôi sống gia đình và bản thân. Tình trạng di cư tự do từ các tỉnh miền núi phía bắc đến Gia Lai sinh sống, lập nghiệp, chặt phá, lấn chiếm đất rừng làm nương rẫy cũng làm cho diện tích đất lâm nghiệp giảm đi nhanh chóng. Nhìn một cách tổng thể, tình trạng tội phạm hủy hoại rừng với các hành vi chặt phá cây rừng, khai thác, vận chuyển, mua bán lâm sản trái phép vẫn còn diễn biến hết sức phức tạp, chủ yếu là để đáp ứng nhu cầu chuồng sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc từ động thực vật rừng, nhất là các loại gỗ quý, hiếm ăn sâu vào tiềm thức của một bộ phận không nhỏ người dân. Bên cạnh đó, để đáp ứng với chính sách phát triển trong thời kỳ mới, Nhà nước ta đã có nhiều sửa đổi, bổ sung về pháp luật hình sự và pháp luật TTTHS. Đứng trước những khó khăn, thay đổi trên đòi hỏi VKSND tỉnh Gia Lai phải không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện chức năng

KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng theo pháp luật TTHS Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu công cuộc đấu tội phạm ngày càng khó khăn, phức tạp hơn.

Trong phạm vi Luận văn, tác giả đã nghiên cứu, phân tích, làm rõ nhận thức chung về chức năng, nhiệm vụ của VKS khi tiến hành hoạt động KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng theo pháp luật TTHS. Đánh giá, phân tích thực trạng vận dụng lý luận vào công tác KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; nhận xét những mặt đã làm tốt, cũng như những mặt chưa làm được trong việc thực hiện nhiệm vụ KSVTTPL trong TTHS đối với các vụ án hủy hoại rừng của VKS trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Để từ đó, Luận văn đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả KSVTTPL trong vụ án hủy hoại rừng theo pháp luật TTHS; cụ thể như sau:

- Hoàn thiện các quy định pháp luật tổ tụng hình sự.

- Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong vụ án hủy hoại rừng; trong đó có: (i) đẩy mạnh công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật; (ii) đổi mới tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ ngành kiểm sát; (iii) tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa VKS với các cơ quan có liên quan trong việc phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hủy hoại rừng; (iv) đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật đối với quần chúng nhân dân trong việc đấu tranh chống lại các hành vi hủy hoại rừng, tham gia vào việc bảo vệ, phát triển rừng và (v) các giải pháp khác gồm: tăng cường công tác phối hợp giám sát, truy quét tội phạm hủy hoại rừng tại các địa bàn trọng điểm; tăng cường và đổi mới công tác tập huấn các văn bản pháp luật và văn bản nghiệp vụ; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất.

Từ những giải pháp trên; tác giả mong rằng, trong thời gian tới VKS các cấp sẽ tăng cường, hoàn thiện hệ thống thanh tra, kiểm tra đủ mạnh để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa những hạn chế, thiếu sót trong quá trình áp dụng, thực thi pháp luật khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ KSVTTPL trong TTHS nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống với tội phạm hủy hoại rừng trong tình hình mới để thực sự xứng đáng với vai trò là then chốt của hệ thống tư pháp Việt Nam./.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.

2. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Thông tư liên tịch 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 02/8/2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện kiểm sát nhân dân tối cao Hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố*, Hà Nội.

3. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2017), *Thông tư liên tịch 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện kiểm sát nhân dân tối cao Quy định việc phối hợp giữa cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố*, Hà Nội.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao (2007), *Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản*, Hà Nội.

5. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ về việc Giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh*, Hà Nội.

6. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản*, Hà Nội.

7. Nguyễn Văn Dũng (2013), *Bàn về Điều 189 Bộ luật hình sự*, trao đổi nghiệp vụ, Tòa án nhân dân tối cao.

8. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 25/6/1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Hà Nội.

9. Phạm Mạnh Hùng (chủ biên) (2018), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, NXB Lao Động.

10. Đinh Văn Quế (1999), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự*, phần thứ hai, các tội phạm về môi trường, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.

11. Đinh Văn Quế (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng Hình sự Việt Nam năm 2003 về xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm*, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

12. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1999), *Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10*, Hà Nội.

13. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Bộ luật Tố tụng Hình sự số 19/2003/QH11*, Hà Nội.

14. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2004), *Luật Bảo vệ và phát triển rừng số 29/2004/QH11*, Hà Nội.

15. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13*, Hà Nội.

16. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13*, Hà Nội.

17. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Tố tụng Hình sự số 101/2015/QH11*, Hà Nội.

18. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 12/2017/QH14*, Hà Nội.

19. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13*, Hà Nội.

20. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2002), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân số 34/2002/QH10*, Hà Nội.

21. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13*, Hà Nội.

22. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.

23. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân số 60/2014/QH13*, Hà Nội.

24. Lê Hữu Thê (2000), *Bàn về khái niệm quyền công tố*, Tạp chí Kiểm sát, (số 8).

25. Lê Hữu Thê (2000), *Về vị trí và chức năng của Viện kiểm sát nhân dân trong bộ máy nhà nước ta*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 7).

26. Nông Xuân Trường (2003), *Một số kinh nghiệm của nước ngoài về công tác công tố và giám sát tư pháp*, Đặc san Nghề luật, (số 4).

27. Thủ tướng Chính phủ (2003), *Chỉ thị 12/2003/CT-TTg ngày 16/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp cấp bách để bảo vệ và phát triển rừng*, Hà Nội.

28. Thủ tướng Chính phủ (2005), *Quyết định số 304/2005/QĐ-TTg ngày 23/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm giao rừng, khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng trong buôn, làng là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở các tỉnh Tây Nguyên*, Hà Nội.

29. Thủ tướng Chính phủ (2006), *Chỉ thị số 08/2006/CT-TTg ngày 08/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp cấp bách ngăn chặn tình trạng chặt phá, đốt rừng, khai thác rừng trái phép*, Hà Nội.

30. Thủ tướng Chính phủ (2007), *Quyết định số 198/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản*

*xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, Hà Nội.*

31. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Chỉ thị 1685/2011/CT-TTg ngày 27/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng và chống người thi hành công vụ, Hà Nội.*

32. Tòa án nhân dân tối cao (2000), *Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999, Hà Nội.*

33. Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự, Hà Nội.*

34. Trung tâm Từ điển học (2002), *Từ điển tiếng Việt, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.*

35. Trường Cao đẳng Kiểm sát Hà Nội (1996), *Giáo trình công tác Kiểm sát, Hà Nội.*

36. Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (2000), *Giáo trình Chiến thuật điều tra hình sự, Hà Nội.*

37. Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội (2016), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, phân các tội phạm, Hà Nội.*

38. Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội (2016), *Giáo trình Luật Tố tụng Hình sự Việt Nam, Hà Nội.*

39. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai (2013), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2013 số 489/BC-VKS-VP ngày 12/12/2013 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, Gia Lai.*

40. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai (2014), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2014 số 574/BC-VKS ngày 11/12/2014 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, Gia Lai.*



41. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai (2015), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2015 số 518/BC-VKS-VP ngày 07/12/2015 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai*, Gia Lai.

42. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai (2016), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2016 số 468/BC-VKS-VP ngày 05/12/2016 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai*, Gia Lai.

43. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai (2017), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2016 số 488/BC-VKS ngày 04/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai*, Gia Lai.

44. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai (2018), *Báo cáo sơ kết công tác kiểm sát 6 tháng đầu năm 2018 số 170/BC-VKS ngày 12/06/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai*, Gia Lai.

45. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2014-2018), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát hàng năm của ngành Kiểm sát*, Hà Nội.

46. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng (2012), *Thông tư liên tịch 02/2012/TTLT-VKSTC-TTCP-BCA-BQP ngày 22/3/2012 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng ban hành Quy định về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan thanh tra, điều tra và Viện kiểm sát trong việc phát hiện, điều tra, xử lý vụ việc có dấu hiệu tội phạm do Cơ quan thanh tra kiến nghị khởi tố*, Hà Nội.

47. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng (2017), *Thông tư liên tịch 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về Quy định việc phối hợp giữa cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung*, Hà Nội.

48. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2017), *Quyết định số 505/QĐ-VKSTC ngày 18/12/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Quy chế công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự*, Hà Nội.

49. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2017), *Quyết định số 03/QĐ-VKSTC ngày 29/12/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Quy chế tạm thời công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố*, Hà Nội.

50. Nguyễn Tất Viễn (2002 – 2003), *Hoạt động tư pháp và kiểm sát các hoạt động tư pháp*, Kỷ yếu đề tài cấp Bộ: “Những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp”, Hà Nội

51. Võ Khánh Vinh (2003), *Về quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 8).

**Các trang web tham khảo:**

<http://congan.gialai.gov.vn/cagialai/>

<http://gialai.gov.vn/>

<http://www.kiemlam.org.vn>

<http://kiemlamgla.org.vn/>

<http://www.vksndtc.gov.vn>

<http://vksnd.gialai.gov.vn/>

<http://tand.gialai.gov.vn/>